CHÍ SĨ CÁCH-MẠNG

TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH
(1820 - 1864)

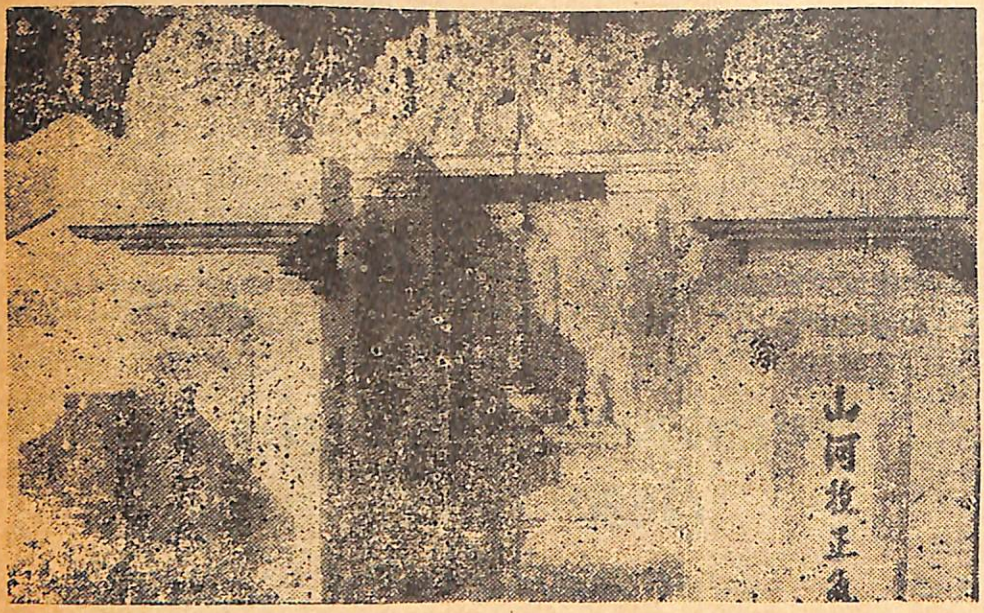

Mộ Trương-công-Định ở Gò-Công

I THÂN THẾ

1) Làng Tư-Cung : nơi chào đời của Trương-công-Định

Quận Sơn-Tịnh (Quảng-Ngãi) là nơi sinh trưởng của 4 nhân vật cùng họ Trương : Trương-quang-Cận (hương Năm) âm thầm thực hiện cải cách hương thôn tại Trà-bình trại; Trương-quang-Trọng, chàng sinh viên trường thuốc Hà-Nội giã từ học đường chọn lý tưởng cách mạng để cuối cùng hiên ngang ưởn ngực nhận viên đạn của thực dân Monlec, nêu cao gương bất khuất; Trương-đăng-Quế, vị Thái-sư liêm khiết, trung hậu, thanh bạch giữ trọng trách suốt 3 triều vua nhà Nguyễn đồng thời cũng là nhà thơ Quảng-Khê, tác giả Học văn dư tập, người thứ tư là một chiến sĩ Cách mạng, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại miền Nam với chức Chưởng Bình-Tây Đại nguyên soái Trương-công-Định.

Làng Tư-Cung nam ở tả ngạn Trà-Giang, giáp ranh làng Mỹ-Khê của Trương-đăng-Quế chính là nơi sinh trưởng của Trương-công-Định.

Thời trước Tư-Cung xã về hướng nam là một xóm nhỏ êm đềm có lũy tre xanh bao bọc ẩn khuất dưới chân núi Thiên Mã, một trong 3 cụm núi thấp đất đỏ, tranh mọc dày, xa trông như con tuấn mã cất vó chờm ra biển đông.

Tương truyền xưa trên cụm núi Thiên Mã từng có lùm cây rậm rạp, quanh năm cành lá xinh tươi, có giếng linh thỉnh thoảng có các nàng tiên xinh đẹp giáng trần ngao du sơn thủy. Có lẽ nhờ địa cuộc nầy mà làng Tư-Cung nam đã sinh trưởng một võ tướng oai danh lẫm liệt khiến quân thù phải kính nể, một vị anh hùng dân tộc mà cả gia đình, cha con đã hy sinh vì đại nghĩa, nêu cao lòng ái quốc cao cả.

Tư-Cung nam (Quảng-Ngãi) đích thực là nơi sinh trưởng và đã nuôi nấng Trương-Định (sau nầy trở thành Trương-công-Định) thành người, hưởng thụ trọn vẹn khí thiêng sông núi miền Ấn-Trà trước khi vào Nam, xây dựng nghiệp lớn cách mạng, cuối cùng đã chọn cái chết oanh liệt tại quê hương miền Nam trong cương vị một tướng lãnh do nhân dân bầu lên để tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2) Chân dung và tiểu sử của Trương-công-Định

Trương-Định (sau vào Nam thêm chữ lót, đi vào lịch sử với tên Trương-công-Định, sinh năm Canh-Thìn 1820 (Minh-Mạng nguyên niên) tại làng Tư-Cung nam, con của ông Trương-Cầm, Vệ-Úy hữu Thủy-Vệ tòng sự tại Gia-Định.

Sinh trưởng ở một gia đình có người làm quan võ, Định có sức mạnh hơn người, có tài bắn trăm phát trăm trúng, tinh thông võ nghệ, rành binh thư. Con nhà võ nhưng vóc dáng Định thanh lịch, tao nhã, diện mạo khôi ngô, nước da trắng, có óc thực nghiệp, giao du rộng, tư tưởng bình dị. Trương-công-Định theo thân phụ vào Nam khoảng giữa đời Vua Thiệu-Trị (1841 — 1847) cưới vợ là Lê-thị-Thưởng con một nhà hào phú ở Tân-Hòa (Tân-An) định cư tại đây, hưởng ứng chính sách đồn điền của nhà Nguyễn, xuất tiền chiêu nạp dân nghèo khẩn hoang, được bổ chức Quản Cơ thường gọi là Quản Định.

Tháng giêng Kỷ-Mùi (1859) Trương-công-Định lãnh đạo nghĩa binh phối hợp quân triều đình chống Pháp được nhà Vua bổ chức Phó lãnh binh Gia-Định. Sau hòa ước 1862,

kể từ tháng 2-1863, Trương-công-Định quyết định ly khai Triều đình Huế để tiếp tục lãnh đạo công cuộc kháng Pháp, được nghĩa quân suy tôn Bình Tây Đại Nguyên Soái.Trương-công-Định cầm cự chống thực dân Pháp, gây nhiều thiệt hại cho địch, hai lần thoát khỏi vòng vây Pháp tại Gò-Công và Lý-Nhơn một cách dễ dàng.

Nhưng cuối cùng vì sự bội phản của Huỳnh-công-Tấn (một người từng chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa quân) Trương-công-Định bị bao vây một cách bất ngờ và đã cùng các thuộc hạ chống lại một cách anh dũng, sắp thoát được vòng vây thì bị tên Tấn dùng súng bắn nhiều loạt, 1 viên đạn trúng ngay xương sống, Định té xuống đất chết cùng với 5 nghĩa binh.

Trương-công-Định chết rạng sáng ngày 20-8-1864 tức rạng ngày 19 tháng 7 năm Giáp-Tý tại Kiểng Phước, Đám Lá-Tối-Trời, hữu ngạn giòng Soirap, hưởng thọ 45 tuổi. Con trai Định là Trương-Tuệ (trong Nam gọi Huệ, cậu hai Quyền hay Nhị lang quân) di chuyển lên Tây-Ninh tiếp tục chống Pháp nhưng sau cũng bị người Miên bội phản, cả vợ Huệ (Tuệ) và nhiều du kích quân bị hạ sát vào khoảng tháng 3 Canh-Ngọ (1870)

Sau khi cả gia đình hy sinh vì nước, người vợ chính thức của Trương-công-Định, bà Lê-thị-Thưởng hết chỗ nương tựa trở về nguyên quán của chồng ở Quảng-ngãi được triều đình trợ cấp mỗi tháng 20 quan tiền và 2 phương gạo. Năm Tự-Đức thứ 24 (Tân-Mùi 1871) Vua nhớ đến công của Trương-công-Định sai dựng đền thờ ở làng sở tại, xã Tư-Cung, cấp thêm mỗi tháng 10 quan, sức xã Tư-Cung phải lo săn sóc bà Lê-thị-Thưởng. Khi bà này mất,

Đám-Lá-Tối-Trời tại làng Kiễng-Phước (Gò Công) hữu ngạn giòng SoiRap, căn cứ kháng Pháp của Trương-công-Định và cũng là địa danh chứng kiến giờ phút chiến đấu oanh liệt cuối cùng của người anh hùng xứ Quảng (hình ảnh của "Gò-Công xưa và nay.

Vua ban cho 100 quan tiền làm ma chay. Trước đó, năm Tự-Đức 21, (Mậu-Thìn (1868) Vua y lời tâu xin của Tỉnh thần Trà-quý-Bình cũng cấp tự điền 5 mẫu để người trong họ là Văn-Hổ kế tự.

II.— SỰ NGHIỆP

1) Khẩn hoang lập ấp tại Tân-Hòa

Năm 1845, khi thân phụ được cử làm Vệ-Úy hữu thủy vệ Gia-Định thì Trương-Định mới theo cha vào Nam. Nhưng Định không theo nghiệp cha thi cử võ để làm quan lại có óc thực nghiệp, nuôi chí khẩn đất đai, mộ dân làm đồn điền. Theo phong tục trong Nam, Trương-Định thêm chữ lót giữa họ và tên, từ đó đi vào lich sử với cái tên Trương-công-Định (có người cho rằng vì dân mến phục công đức nên tặng Trương-công-Định chữ Công khi gọi). Năm Giáp-Dần (1854) Kinh-lược sứ Nguyễn-tri-Phương vào Nam điều chỉnh chính sách đồn điền thì Trương-công-Định tự xuất tiền chiêu mộ dân nghèo ở Nam-Ngãi, Bình-Phú vào khẩn hoang lập ấp theo chính sách đồn điền của Nam triều. Lúc bây giờ có 21 liên đội ở Nam-Kỳ, viên chỉ huy liên đội gọi là Quản-Cơ dưới quyền có những viên Ấp Trưởng. Quản-Cơ kiêm luôn cai tổng, trong tổng có đồn điền chừng 400 lính (Lính đồn điền đầu đội nón nhỏ, mặc áo ngắn có xẻ vạt trước, màu đen tím hay hung, không đồng phục. Cứ 10 lính có 1 súng còn toàn cầm giáo, mỗi liên đội có 1 đại bác nhỏ. Quản Cơ đeo giây băng đen hay tím, gắn huy hiệu ở ngực).

Có võ giỏi, có cơ nghiệp, được tín nhiệm vì đã giúp cho một số nông dân có cơm ăn, áo mặc nên Trương

-công-Định được bổ chức Quản Cơ kiêm Chánh Tổng ở huyện Tân-Hòa, chính ở địa điểm nầy ông đã mộ nghĩa binh chống Pháp.

Thời gian giữ chức vụ Quản Cơ (1854 — 1859) Trương -công-Định đã hết lòng lo cho đám nông dân có nhà ở, ruộng cày, con cái được học hành nhờ các thầy đồ ở miền Trung vào dạy (sau nầy có nhiều người trong số thầy đồ nói trên đã góp phần công lao trong công cuộc kháng Pháp dưới sự lãnh đạo của Định).

Trương-công-Định đã được sự kính phục tín nhiệm chung nhờ những công việc đã phục vụ dân, lại đối đãi với dân có ân đức nên đã tranh thủ được đám nông dân. Có thể nói Quản Định đã gặt hái được nhiều thành công tốt đẹp trong chính sách kinh tế thân dân, lập nhiều công đức đối với đám dân đồn điền.

2) Phối hợp với quân Triều đình chống Pháp

Ngày 17-2-1859 (15-1-Kỷ-Mùi) quân Pháp do hải quân Trung Tướng Rigault de Grenouilly chiếm thành Gia-Định, khắp nước đặt trong tình trạng báo động. Quân đội chính quy triều đình nhà Nguyễn ít võ khí, cũ xưa không kháng cự lại quân Pháp. Vì vậy, khắp nơi một phong trào phát khởi nhằm mục đích chiêu mộ nghĩa binh, rèn khí giới, trữ lương thực, tập luyện trận thế, binh lược để giúp sức với binh lực triều đình chống xâm lăng.

Thời thế đặc biệt ấy đã giúp kẻ anh hùng ái quốc xuất đầu lộ diện. Những văn thân có uy tín như Án-Sát Đỗ-Quang, Tri-Phủ Nguyễn-thành-Ý, Tri-Huyện Đỗ-trinh-Thoại, Âu-Dương-Lân, Trương-thiện-Chính, Lưu-tấn-Thiện,

thơ lại Lê-quang-Quyền, Thủ-Khoa Nguyễn-hữu-Huân, cử-nhân Phan-văn-Đạt, Phan-văn-Trị, Trần-xuân-Hòa; Tú-Tài Nguyễn-đình-Chiểu, Trịnh-quang-Nghị, Lê-cao-Dũng, Hồ-huân-Nghiệp, Trà-quý-Bình, Võ-duy-Dương, Nguyễn-công Duy, cựu quân nhân Lê-Huy, Quản-Là v.v... kẻ ít, người nhiều đều cầm đầu những toán nghĩa binh kháng Pháp.

Trong đám quần hùng ấy, Trương-công-Định, tuy địa vị xã hội ở vào bậc chót, tuy không xuất thân ở khoa nghiệp nhưng lại đứng sẵn vào địa vị Quản Cơ của một tổ chức dân quân khá lớn. Thế các Quản-Cơ đứng đầu các nhóm nghĩa binh thuận lợi hơn các vị Tri-Phủ, Tri huyện, khoa nghiệp hay các văn thân khác. Hơn nữa, giữa các Quản cơ với nhau, nghĩa binh của Định đông hơn cả (chừng 1000) có tổ chức chặc chẽ, có tinh thần kỹ luật, thiện chiến. Riêng Định lại luôn luôn tiền phong, gan dạ lập được nhiều chiến công trong những ngày đầu kháng Pháp, sau đó được các Quản cơ trong Gia-Định chọn làm người lãnh đạo, cho nên dần dần số nghĩa binh thuộc lực lượng Trương-công-Định lên tới 6.000 người.

Nhờ những yếu tố trên, sự thuận lợi mà các Quản Cơ khác không có, thêm 6 năm khẩn hoang lập ấp có công đức sẵn với đám nông dân nên lúc còn chủ trương kháng Pháp Triều đình Huế đã hợp thức hóa sự suy tôn của các Quản Cơ bằng cách phong cho Trương-công-Định chức Phó Lãnh binh Gia-Định.

Từ đó, xuất thân từ hàng ngũ dân quân, Trương-công Định đã vươn lên hàng đầu nhờ tài đức và gan dạ của mình.

Danh vọng và uy tín của vị Phó Lãnh binh át hẳn danh vọng và uy tín của Chánh Lãnh binh đưa Trương-công Định lên địa vị chỉ huy những Tri huyện, Tri phủ, Cử nhân

Tú-tài và hầu tất cả những Văn thân, phú hào kháng Pháp thời đó. Chính triều đình Huế cũng phải nhìn nhận địa vị thực tế của Trương-công-Định qua sự tuyển trạch đương nhiên ấy cho nên sau khi Biên-Hòa thất thủ, triều đình đã khiển trách Hiệp-Tán Quân vụ và Khâm-sai Quân vụ Nguyễn-tri-Phương, ra lệnh cho những người nầy phải phối hợp với quân Trương-công-Định tìm kế chống giặc Pháp.

Tấn công Chùa Kiễng-Phước

Gia-Định thất thủ, Hộ Đốc Võ-duy-Ninh tử trận, Trương-công-Định đem cơ binh (dân quận) phối hợp với quân triều đình đóng tại Thuận-Kiều.

Trong những ngày chiến đấu đầu tiên, năm 1860, nghĩa binh lập phòng tuyến dài từ Cây Mai đến Thị nghè. Trong các trận đánh, Trương-công-Định luôn luôn tỏ hết sức gan dạ, chỉ huy sáng suốt các đội của ông lập được rất nhiều chiến công.

Đêm 3 rạng 4-7-1860, có 2000 nghĩa binh âm thầm rời chiến tuyến của mình đến bao vây chùa Kiễng-Phước (Chocheton) nơi có quân Pháp trú đóng. Nghĩa binh la hét, xung phong ồ ạt, bắn súng vào quân Pháp. Cuộc ác chiến xảy ra trong 1 giờ. Hàng trăm xác của hai bên nằm ngổn ngang vì quân Pháp đưa viện binh từ Sài-gòn tới nên nghĩa binh phải rút lui. Trận nầy do lãnh binh Sất trực tiếp chỉ huy.

Ngày 18-7-1860, nghĩa binh lại trở lại tấn công quân Pháp một lần nữa nhưng không thành công nên bỏ kế hoạch bao vây chùa Kiễng-Phước, đắp lũy song song với phòng tuyến Pháp, buộc binh Pháp và Tây-ban-Nha phải ở trong phòng tuyến cửa họ, không ra đóng được ở mé Kỳ-Hòa.

Ám sát viên Đại-Úy Barbé

Từ tháng giêng năm 1861, sau khi mất đồn Phú-thọ, các lực lượng triều đình nhà Nguyễn lui quân về giữ Biên-Hòa, Trương-công-Định cũng thu quân về đồn cũ Tân-Hòa, chiêu tập các thân sĩ như Tri-huyện Lưu-diễn-Thiện, bát phẩm Lê-quang-Quyền để trù liệu quân lương mua sắm thêm vũ khí, mộ thêm nghĩa binh, chỉ trong thời gian ngắn lên đến 2000 người.

Vì thấy quân Pháp mới sang chưa thạo đường lối nên Trương-công-Định áp dụng chiến thuật phục kích, dầu không thắng lớn nhưng cũng làm cho Pháp thiệt hại nhiều, làm phát khởi tinh thần kháng chiến tại miền Nam.

Nghĩa binh lại dùng những thủ đoạn làm cho thực dân phải hoang mang lo sợ bằng cách treo giá đầu các võ quan Pháp. Thế cho nên sau trận Kiểng-Phước lại có vụ hành thích viên Đại-úy Pháp Barbé.

Chiều thứ sáu 7-12-1860 (25-10 Canh-Thân) viên đại-úy Barbé (Nicolas Michel Ang) đóng ở chùa Khải-Tường cỡi ngựa đi tuần tối theo thường lệ từ chùa đến đền Hiếu-Trung, tới khúc quanh bị nghĩa binh kháng chiến thuộc lực lượng Trương-công-Định ám sát bằng giáo. Barbé té xuống ngựa khi bị mấy mũi giáo đầu tiên. Nghĩa binh cắt đầu liền và rút lui ngay trong tranh và cỏ cao về chiến tuyến cũ Kỳ-Hòa. Sáng hôm sau, người ta thấy thi thể to lớn của Barbé nằm trên đường, ngựa bị thương đứng gần như không cử động.

Thủ cấp của Barbé được đem vào trình với Trương-công-Định và nghĩa binh lập công được tưởng thưởng như lời đã hứa.

Tấn công, làm chủ tình hình Gò-Công.

Gò-Công, nơi có mồ mã Tổ tiên bên ngoại của vua Tự-Đức. Phía Tây Bắc và đông nam là những dãy thôn xóm nhỏ, những xóm đồn điền. Ở phía mặt Gò-Công, khi ngó ngay sông Cửu-long là một con rạch từ Gò-Công chảy vào sông lớn và sông Vàm-Cỏ đó là rạch Lá. Gò-Công thất thủ lần đầu vào khoảng 15 đến 20-4-1860 (thứ hai mùng 7-3—thứ bảy 11/3 Tân-Dậu). Ở Gò-Công có trường học, chợ, đường hẹp nối liền chợ với cổng trường, một ngôi đình, cách quận 3 dặm có xã lớn Tân-Hòa)

Lúc nầy lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Định gần 6000 người. Sau khi dò xét tình hình, Định quyết tấn công quân Pháp tại Gò-Công. Toán quân bị đánh nầy do Trung-Úy hải quân Vial dưới tàu Le Veser làm Giám-Đốc Sự Vụ cai trị, Gò-Công chỉ huy.

Suốt đêm 21 rạng 22-6-1861 vừa bình minh, tiếng trống bỗng nổi ầm lên, nghĩa binh võ trang bằng độc tấu tiến tới. Bên Pháp nổ súng, viên Trung-Úy Vial dẫn quân tiến tới nhưng bị nghĩa binh chận đường. Vial tháo lui về cổng trường, cho nhả đạn trúng đích vào nghĩa binh nhưng đám đông vẫn tiến tới.

Cuối cùng, quân Pháp phải đánh xáp lá cà, một thủy quân lục chiến Pháp tên Bodiez thấy Vial lâm nguy chạy đến giải vây, tự choàng qua mình Vial chưa kịp bắn phát nào mà đã bị đâm 2 mũi độc. Nghĩa binh bị thiệt hại 14 người trong số nầy có huyện Toại nguyên là quan cai trị huyện Tân-Hòa trước khi Pháp chiếm đóng. Bên Pháp, 1 người bị giết, 1 bị thương.

Ngày hôm sau (23-6-1861) nghĩa binh Trương-công-

Định và lính đồn điền lại đánh Gò-Công một lần nữa nhưng không thành công phải rút lui vì ngày 24-6-1861 quân Pháp dưới quyền chỉ huy của hải quân Trung-Tá Lebris với hải phòng hạm Duchayla đậu ở cửa Rạch-Lá đổ bộ lên tiếp viện.

Ngày 14-12-1861 (13-11 Tân-Dậu) Gò-Công lại bị nghĩa binh tiến đánh. Viên quan cai trị Gò-Công lúc bấy giờ là Diarfeuille. Tuy chiếm đóng Gò-Công nhưng lực lượng Pháp mỏng, phải rút lui khỏi các đồn lẻ tẻ để củng cố các pháo lũy quan trọng và các cứ điểm chính. Đến ngày 1-3-1862 (thứ bảy 1-2 Nhâm-Tuất) Thiếu-Tướng hải quân Bonard ra lệnh cho các đồn Gò-Công, chợ Gạo, Gio-Thạch, Cái-Bè rút hết, các sĩ quan cai trị, các tri huyện Cần-Giuộc (Phước-Lộc) Tân-An, Tân-Hòa cũng phải rút, viên tri huyện do Pháp bổ nhiệm ở Cần-Giuộc, Tân-An cũng phải rút về. Và Việt quân dưới quyền Trương-công-Định đã làm chủ Gò-Công trên thực tế.

Cuộc rút lui của quân Pháp trước mắt dân chúng là Pháp hết sở quyền về luật pháp. Lực lượng nghĩa binh Trương-công-Định ra mặt đóng quân ở các cứ điểm quan trọng, tuyển mộ tân binh, đánh thuế lưu thông và thông cáo cho dân chúng biết Pháp đã thất bại, sớm muộn gì cũng phải rút khỏi Việt-Nam. Tinh thần kháng Pháp lại lên cao.

Thanh toán các tay sai của Pháp

Một trong những trở ngại của công cuộc kháng Pháp lúc bấy giờ là có những người Việt vì quyền lợi cá nhân đã cộng tác với kẻ xâm lăng. Họ là những chức việc

đã tỏ ra trung thành với giặc.

Trương-công-Định quyết định thanh toán các hạng nói trên. Tiêu biểu cho quyết định nầy là vụ bắt Bá hộ Huy. Trương-công-Định có một người bạn là Bá-hộ Huy. Ông nầy cọng tác với Pháp làm cai tổng để bảo vệ tài sản lớn của mình. Đóng trụ sở tại Đông-Sơn gần phòng tuyến của Pháp. Bá-hộ Huy định bắt sống Trương-công-Định nộp cho Pháp, cho người tâm phúc đem thơ đến một sĩ quan Pháp chỉ chỗ ở của Định. Không may, người tâm phúc của Huy lại có cảm tình với nghĩa binh, đem thơ nộp cho Định. Tức thì Định đi Đông-Sơn bắt Huy, chặt đầu. Bị quân Pháp bao vây, Định chạy ngang qua một đồng ruộng bỏ lại thi thể không đầu của Bá-hộ Huy. Ngoài ra Trương-công-Định còn gởi thư cảnh cáo viên xã Trưởng làng Gò-Công vì viên nầy vẫn tiếp tục cọng tác với giặc Pháp. Viên xã trưởng nầy, tuy bề ngoài thôi việc nhưng bên trong vẫn ngấm ngầm cọng tác với Pháp. Vì thế, Trương-công-Định ra lệnh cho nghĩa quân hạ sát để làm gương cảnh cáo những tay sai khác của giặc.

3) Ly khai Triều đình Huế để tiếp tục kháng chiến chống Pháp

Ngày 5-6-1862, Triều đình Huế ký hòa ước với Pháp. Nội dung hòa ước nầy nhường ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường cho Pháp, bồi thường trong thời gian 10 năm, 4 triệu Mỹ Kim, thành Vĩnh-Long bị quân Pháp tạm giữ và sẽ trả cho nhà Vua khi nào các vụ kháng Pháp tại Gia-Định, Định-Tường chấm dứt và những người cầm đầu chiến đấu chống Pháp phải rời khỏi các tỉnh kể trên. Thoả ước bất bình đẳng do Phan-thanhGiản- và Lâm-duy-Hiệp

làm chánh, phó Toàn quyền phái viên thương thuyết với Pháp, không làm cho Triều đình Huế bằng lòng nhất là việc nhường đất cho Pháp không thể chấp nhận được. Phe kháng chiến cũng lên tiếng cực lực phản đối những điều khoản 11, vì điều nầy bất lợi cho phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ. Trương-công-Định đã gởi thư cho Hải quân Thiếu-Tướng Bonard tuyên bố: các binh sĩ thuộc hạ ông nhờm gớm việc nạp vũ khí trong tay nước ngoài.

Phần cụ Phan-thanh-Giản thì hiểu: lực lượng Việt quân còn kém sút mà quân Pháp lại mưu chiếm 6 tỉnh, cụ hy vọng với hòa ước trên, Việt-Nam chỉ mất có 3 tỉnh. Cụ hứa với Thiếu-Tướng Bonard là cuộc chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Trương-công-Định sẽ chấm dứt.

Ngày 9-9-1862, (10-8-Nhâm-Tuất,) cụ Phan-thanh-Giản có gởi cho Trương-công-Định một mạng lệnh rõ ràng buộc phải hạ vũ khí nhưng Định không tuân lệnh, tiếp tục kháng chiến làm chủ Gò-Công, tự do đắp lũy xây hào cầm cự.

Triều đình Huế ra lệnh bãi binh, Nguyễn-tắc-Trưng bị triệu về kinh, Trương-công-Định bị buộc phải thi hành hòa ước 1862, giải tán nghĩa binh cho họ trở về đồng áng. Riêng Trương-công-Định muốn tách rời ông khỏi Gò-Công, Triều đình phong cho Định chức Lãnh binh trấn thủ An-Giang (Đại-Nam chính biên liệt truyện ghi Phú-An) nhưng Trương-công-Định không tuân lệnh viết thư cho Tôn-thọ-Tường (Tường lúc trước có hứa giúp kháng chiến nhưng sau thấy việc không thành nên ra làm cho Pháp). Nội dung bức thư có đoạn:

«Quân binh của tôi cầm tôi lại không cho đi An-Giang nhậm chức, tháng trước tôi được lệnh của quan Tổng-Đốc Vĩnh-Long bảo phải nộp vũ khí trong tay các phủ huyện Pháp nhưng quân tôi không muốn. Chúng nói rằng không phải các quan Pháp cấp cho chúng khi trước...»

Thật ra, Trương-công-Định đã ngấm ngầm tiếp tục ý chí kháng Pháp đến cùng nên không có chuyện nộp vũ khí đầu hàng. Sau thời gian ngắn thấy Định không đến An-Hà nhậm chức, có lẽ Triều đình hạ lệnh thuyên chuyển ra Phú-Yên nhưng Định tiếp tục không tuân lệnh nên bị bãi tất cả chức tước. Tuy về phương diện công khai Triều đình Huế đã có quyết định nói trên để cho người Pháp yên lòng nhưng ngay thái độ cương quyết kháng Pháp của Định là một trạng thái tinh thần mà Triều đình có thể lợi dụng khai thác mong khôi phục lại 3 tỉnh đã mất. Vua Tự-Đức đã mật hạ lệnh cho Thị-Vệ đem tặng Trương-công-Định một tấm huy chương vàng.

Về phần nghĩa binh, họ không muốn giải tán và giữ Trương-công-Định ở lại. Họ bàn với nhau: nếu để cho quân Pháp hoành hành thì nghĩa binh sẽ phải làm mồi cho chúng. Cuộc hòa ước nầy cho thấy Pháp lấy binh lực ép Triều đình Huế chứ không phải thực bụng, chắc gì sau nầy bọn Pháp không trở mặt, lúc ấy nghĩa binh sẽ trông cậy vào đâu? chi bằng cứ tiếp tục kháng Pháp, cố thủ lấy miếng đất mà đùm bọc lẫn nhau...»

Những lời bàn luận trên được mọi người tán thành. Cuối cùng, họ không chịu giải tán, chủ trương góp sức chiếm một vùng đất để chống cự Pháp. Họ yêu cầu Trương-công-

Định ở lại đứng đầu và lãnh đạo cuộc kháng Pháp.

Tâm trạng Trương-công-Định từ ngày mượn cớ ở lại kiểm điểm lương thực và binh lính thì tư tưởng kháng Pháp đã dứt khoát nhưng vẫn chưa có hành động cụ thể.

Trước những sự kiện mới xuất hiện, trong tinh thần đồng đội từ trước đã thề sống chết có nhau, lẽ nào Định lại lánh đi ?

Nhưng, nếu ở lại cũng mang tiếng trái lệnh Triều-đình, dù Định cũng biết dù bề ngoài đã có biện pháp trừng trị nhưng bên trong «Hoàng-Đế khen sự trung hậu của chúng ta và có ngày Hoàng-Đế sẽ không những xóa lỗi mà tưởng thưởng nữa (trích thư gởi cho Thiếu tướng Bonard). Giữa lúc ấy thì ở Tân-Lộc (một làng thuộc Tân-An ngày nay) một Văn thân là Phạm-tuấn-Phát truyền thư cho tất cả đội nghĩa binh đề nghị suy tôn Trương-công-Định làm chủ soái để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Đề nghị đưa đến đâu, dư luận đều hoan nghênh.

Như một cao trào, tất cả nghĩa binh đều hăng hái biểu đồng tình. Và, lập tức người ta tình nguyện đắp đàn làm lễ bái tướng. Trong lễ nầy lại có người đem nhiều điều choàng lên vai Trương-công-Định suy tôn ông lên làm Bình-Tây Đại nguyên soái.

Thế là từ đầu tháng 2-1863 Trương-công-Định đã công khai tuyên bố ly khai triều đình Huế, phủ nhận các chức tước của Vua phong quyết định ở lại cho nghĩa binh đắp đàn bái tướng, làm Bình-Tây Đại nguyên Soái tự xưng «Trung Thiên Tướng Quân» lãnh đạo cuộc kháng Pháp đến phút cuối cùng.

Trương-công-Định dùng Quang-Quyền làm Tham - Tán Quân vụ, chỉnh đốn hàng ngũ, phân phối tướng sĩ trấn giữ các nơi hiểm yếu bao quát một vùng, mặt đông nam chạy đến bờ bể, miền tây đến núi Hoa Cương, còn Định thì chỉ huy đại binh đóng ở Thất Trước, cứ một quãng lại thiết lập một đồn lũy để cản sức xung phong, mua sắm thêm súng ống, quyết phòng bị huyện Tân-Hòa làm kế lâu dài. Quân của Bình Tây Đại nguyên Soái thường bố trí súng trên các sông rạch tấn công các tàu thủy Pháp muốn đi sâu vào nội địa huyện Tân-Hòa, nhả đạn liên miên khiến cho nhiều binh sĩ Pháp dưới tàu chiến L'Alarme bị chết và bị thương.

Bình Tây Đại nguyên Soái lại sai người viết một bức thư cho quan Việt ở Vĩnh-Long, Nội dung có đoạn :

«Dân chúng 3 tỉnh yêu cầu chúng tôi cầm đầu cuộc khởi nghĩa. Vậy chúng tôi không thể nào hành động khác hơn. Bởi vậy chúng tôi chuẩn bị chiến đấu cả hướng Đông cũng như hướng Tây. Chúng tôi sẽ chiến đấu khắp nơi chúng tôi sẽ dẹp yên bọn giặc cướp nước...»

4) 2 lần cầm cự với Pháp

Về phía quân Pháp, sau khi hai bên đã ký hòa ước, mặc dầu có biết những hoạt động của nghĩa quân nhưng vẫn án binh bất động chờ kết quả lệnh bãi binh mà Trấn Thần Vĩnh-Long Phan-thanh-Giản đã gởi đến Trương-công-Định. Sau thời gian chờ đợi, khi thấy Trương-công-Định nghiêng hẳn về kháng chiến, Đô Đốc Bonard gởi thư cho Phan-thanh-Giản ý muốn dùng biện pháp quân sự. Bình Tây Đại nguyên Soái, một mặt chuẩn bị phòng ngự, mặt khác tương kế tựu kế tạo một mật dụ của nhà Vua

khuyên dân chúng triệt để ủng hộ lực lượng chống Pháp do Trương-công-Định lãnh đạo.

a) **Trận Gò-Công** .— Ngày 26-2-1863, Đại tướng Chaumont và Đại tá Palanca chỉ huy một đạo quân chủ yếu và thủy quân gồm có chiếc L'Alarme và 30 thuyền bọc sắt chở đầy lính đổ bộ hướng nam huyện Tân-Hòa để tăng viện cho quân Pháp. Cuộc chiến xảy ra từ ngày 25-2-1863 lúc rạng sáng. Đã đề phòng từ trước, lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Trương-công-Định áp dụng chiến thuật trá bại, dụ quân Pháp đi sâu vào thung lũng, bấy giờ phục binh mới nổi dậy, giặc Pháp sa xuống bùn lầy bị thiệt hại nặng ngay trận đầu.

Quân Pháp tức giận, hạ lệnh thủy quân, kéo cả chiến hạm vào Dương Giang (sông nầy ở phía đông Gò Rùa tức sông Tước Nguyên (Không Tước tức Gò-Công) cho quân đổ bộ cả 4 mặt. Tuy lực lượng ít, nhưng nghĩa binh kháng cự rất hăng. Đôi bên cùng thiệt hại nặng. Quân Pháp nhờ trọng pháo mới thủ thắng. Bên nghĩa binh bị chết hai dũng tướng: Đặng-kim-Chung và Lưu-bảo-Đường.

Sáng sớm ngày 26-2-1863, lực lượng tăng viện do Đại Tướng Chaumont chỉ huy tập trung ở Tân-Hòa, chia 4 mặt đánh thẳng vào đồn Sơn-Quy, hàng trăm đại bác nhả đạn như mưa.

Trận chiến vô cùng ác liệt nầy do chính Bình-Tây Đại nguyên Soái đích thân đốc chiến suốt 3 ngày đêm, tướng sĩ không được nghỉ tay, cứ người nầy chết kẻ khác thay, cầm cự chiến đấu cho đến viên đạn cuối cùng, gươm giáo hết mũi nhọn, không còn một miếng ăn, bấy giờ mới chịu mở đường máu rút lui.

Tuy quân Pháp truy kích sát bên nhưng Trương-công-Định và các tướng sĩ còn lại vẫn rút nhanh, an toàn.

Thật ra, sau khi Gò-Công thất thủ, nghĩa binh thuộc Trương-công-Định lại được thêm ảnh hưởng. Kẻ thất bại chính là giặc Pháp vì cuộc hành quân tốn phí rất nhiều, phải trả giá quá đắt so với kết quả thu được, nhất là nghĩa binh vẫn bảo toàn lực lượng nòng cốt, Trương-công-Định và các tướng chỉ huy đã thoát vòng vây dễ dàng.

b) Tại cù lao Lý-Nhơn

Thoát được vòng vây của Pháp, Trương-công-Định lại tiếp tục chiến đấu không bị hao nhân mạng nhiều nhờ có đường rút lui khôn khéo. Sau đó, nghĩa binh lại tập họp từng nhóm tại ranh giới Biên-Hòa ở Lý-Nhơn, nhóm cù lao đối diện với Gò-Công, ngăn cách bởi sông SoaiRap và Đồng-Tranh. Địa thế cù lao nầy hiểm trở, dày đặc thủy liễu dưới sông và sình lầy, nơi bưng biền nước lớn bao vây trùm mặt đất trừ những khoảnh đất cao. Các loại cây bao phủ xanh mượt cả khu rừng bao la.

Trương-công-Định dời cả bộ chỉ huy ra cù lao Lý-Nhơn tiếp tục công cuộc kháng Pháp, xây cất phòng tuyến vững chắc. Ngày 25-9-1863 (13-8 Quí-Hợi) có người mật báo chỗ ở của nghĩa binh cho Gougeard và Béhich biết. Tức thì một cuộc hành quân được tổ chức cấp tốc. Giặc Pháp đã huy động lực lượng hùng hậu đánh thẳng vào phòng tuyến, bắt được một số nghĩa binh, thu được một số súng của lực lượng kháng Pháp. Một lính mã tà níu Trương-công-Định nơi vai nhưng bị Định chém một lát gươm và thoát vào rừng rậm. Quân Pháp đuổi theo nhưng không

kịp, Bình Tây Đại nguyên Soái đã xuống thuyền chèo mất hút.

Sau đó một thời gian, nghĩa binh cho loan tin trong dân chúng rằng chủ trương Trương-công-Định được Vua Tự-Đức triệu về kinh để hỏi tình hình, nguồn tin khác lại loan Trương-công-Định ra Bình-Thuận hay ở thành Saigon,nhằm mục đích đánh lừa giặc Pháp.

Cũng trong thời gian nầy, các cánh nghĩa binh lại nổi dậy đánh phá nhiều nơi ở ranh giới Biên-Hòa, chung quanh Tân-An, Mỹ-Tho, Cần-Giuộc, Chợ-Lớn, quyết không cho giặc Pháp nghỉ ngơi yên ổn tại những vùng chúng mới chiếm đóng.

5) Cái chết của người anh hùng xứ Quảng

Tuy được phần lớn dân chúng ủng hộ nhưng dần dần lực lượng nghĩa binh gặp nhiều trở ngại khó khăn do chính sách mỵ dân của bọn cai trị Pháp đã dùng quyền lợi vật chất mua chuộc dân chúng, nuôi nhiều bọn tay sai lợi hại và trung thành trong số nầy có tên Huỳnh-công-Tấn (Tấn là người rất am hiểu tình hình địa phương, từng chiến đấu trong hàng ngũ nghĩa binh nhưng vì có người cha nguyên phó Quản-Cơ có liên lạc với Pháp bị Trương-công-Định doạ trừng phạt nên Tấn chạy theo Pháp vào khoảng từ giữa đến cuối năm 1862).

Huỳnh-công-Tấn phản bội kháng chiến, làm việc cho Pháp dưới quyền chỉ huy của Gougeard với nhiệm vụ theo dõi hoạt động của lực lượng nghĩa binh thuộc Trương-công-Định.

Vốn biết tính tình và thói quen của vị chỉ huy cũ

của mình, Tấn tin chắc Trương-công-Định vẫn không rời Gò-Công, nơi có bà con thân quyến lại được cả gia đình Phạm-đăng-Hưng bà con bên ngoại Vua Tự-Đức hậu thuẫn.

Ý định của Tấn muốn bắt sống Định để lập công với Pháp nên Tấn luôn luôn theo dõi hoạt động của nghĩa binh, dùng tiền mua chuộc dân chúng, tung người đi dò chỗ đóng quân của Trương-công-Định.

Ngày 19 tháng 8 năm 1864, theo kế hoạch đã mật trù Trương-công-Định cùng toán nghĩa binh nòng cốt âm thầm về làng Kiểng-Phước để chuẩn bị đánh úp đồn Tân-Hòa. Không ngờ, đêm 19 rạng ngày 20-8-1864 (tức 18 rạng ngày 19-7 Giáp-Tý) có người mật báo với Huỳnh-công-Tấn (có sách ghi Đỗ Tấn) về sự xuất hiện của nghĩa binh dưới quyền chỉ huy của Trương công Định.

Tức thì, Đội Tấn trực tiếp cầm đầu một số thuộc hạ, bí mật bao vây căn nhà của Định và 25 người tâm phúc đang tạm trú tại Kiểng-Phước giáp Soai-Ráp, tây nam giáp Tân Phước, Tân-niên tây, Tân-niên đông. . .

Nửa đêm 19-8-1964, bốn bề yên lặng, sương phủ kín xóm Kiểng Phước. Trương công Định và các nghĩa binh đang ngon giấc. Giữa lúc đó, Tấn và bọn thuộc hạ đã bao vây căn nhà từ khuya và chúng chờ mãi đến rạng sáng mới bắn 3 loạt súng lệnh, đồng thời tấn công vào trong nhà, Chúng đã gặp ngay từ phút đầu sức kháng cự mạnh mẽ. Trương công Định và các nghĩa binh đã vùng dậy chiến đấu cực kỳ anh dũng, nhiều nghĩa binh đã thoát được ra ngoài. Trương công-Định từ đám đông chạy ra, chém một lát gươm trúng trán 1 tên mã tà, một lát thứ hai khiến một tên khác rơi

súng, lọt khỏi vòng vây không bị một vết thương nào.

Nhưng, Huỳnh công Tấn đã đứng sẵn gần đó, hết hy vọng bắt sống nên Tấn cuối cùng đã chĩa súng sáu bắn thẳng vào Định, đồng thời hô các mã tà bắn tiếp. Một viên đạn trúng đích, Trương công Định bị gãy xương sống, chết ngay tại chỗ cùng với 5 thủ hạ. Các nghĩa binh còn sống sót đều tự sát theo chủ tướng.

Người anh hùng xứ Quảng đã anh dũng. hy sinh vì Tổ Quốc sáng ngày 20-8-1864 (19.7 Giáp Tý) tại làng Kiểng Phước (có sách ghi Phước Lộc) hưởng thọ 45 tuổi. Thi hài Trương công Định được chở về tỉnh lỵ đặt tại lồng chợ 3 ngày. Sau đó, giặc Pháp cho mời phu nhân là Trần thị Sanh (bà nầy chị em cô cậu ruột với Đức Thái Hậu Từ-Dũ mẹ vua Tự Đức, có lẽ là bà vợ thứ hai của Trương công Định) cho lãnh thây về chôn cất. Bữa cất đám, lúc gần động quan viên Trung úy Pháp Guys đích thân mang 1000 quan tiền tới điếu tang, cho một toán lính pháp mang súng đưa đến tận huyệt.

Ngay từ 1864, mộ Trương-công-Định đã được xây bằng đá ong, tô vôi ô dước. Ngôi mộ khá lớn, chắc chắn, chung quanh có thành thấp. Tấm bia mài bằng đá trắng Quảng-Nam đề nguyện chức tước : «Đại-Nam Bình Tây Đại tướng quân, Trương-công-Định chi mộ » ở hai trụ trước mộ có câu đối liễn :

«Sơn hà thâu chính khí
Nhật nguyệt chiếu đan tâm»
(Chính khí về với núi sông
Nhật nguyệt soi sáng lòng son)

Vài năm sau, nhiều lực lượng kháng Pháp tiếp tục

nổi dậy. Các người cầm đầu nguyên thuộc quyền Trương-công Định nên bọn thực dân Pháp trả thù bằng cách bằm nát các hàng chữ ghi trên bia mộ lại đòi bà vợ thứ hai của Trương-công-Định (bà Trần-thị-Sanh) đến tra xét những hoạt động của kẻ chống Pháp nhưng bà Sanh cương quyết chối từ không khai lý lịch những nhân vật kháng chiến còn lưu lại nên Pháp lại phạt bà đủ 10.000 quan tiền.

Đến năm 1945, mộ Trương-công-Định được sửa chữa lại. Mộ bia được khắc Đại-Nam Thần-Đồng Đại tướng quân, truy tặng Ngũ Quân Quận công Trương-công-Định chi mộ . . . »

Năm 1956 mộ lại được trùng tu thêm hai câu đối mới:

«Trương chí quật cường, võ liệt nêu cao đất Việt.
Định tân kháng chiến văn mồ chói rạng trời Nam»

III TUYÊN NGÔN VÀ HỊCH KHÁNG PHÁP CỦA BÌNH-TÂY ĐẠI-NGUYÊN-SOÁI TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

«Phải trở về đồng nội, ở đó chúng ta có tre gỗ để dựng nhà, có ruộng đất để cày cấy, có bạn bè để ẩn náu có làng xóm, có nghĩa đồng bào, có tình người với ngọn rau tấc đất, chúng ta sẽ vì những thức đó mà đấu tranh đuổi thằng Tây ra khỏi xứ nầy . . . »

Trên đây là lời tuyên bố của Bình-Tây Đại-nguyên Soái trong bài hịch gởi các tướng sĩ kháng Pháp.

Ngoài chiến thuật du kích trường kỳ, lực lượng nghĩa binh dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Trương-công-Định đã biết dùng văn chương hùng biện để tấn công tâm lý giặc xâm lăng khiến hàng ngũ quân Pháp nhiều phen hoang mang

giao động. Năm 1862, vào một buổi sáng, thủy thủ dưới pháo hạm L'Alarme do Trung úy Guys chỉ huy (viên sĩ quan nầy cũng rất sành tâm lý người Việt) bắt gặp trên chót vót một cây sào cắm trên bờ sông một bức thư của Bình-Tây Đại-nguyên-Soái gởi cho Hải quân Thiếu Tướng Bonard. Nội dung có đoạn như sau :

«Triều đình Huế không nhận chúng ta, nhưng chúng ta bảo vệ Tổ quốc ta. Các người có dũng lực nhưng số ít, mỗi ngày vài người lính của các người ngã quy dưới sự phục kích của chúng ta, bệnh sốt rét cũng ở bên ta để chiến đấu chống lại các người và nó sẽ bù lại sự khiếm khuyết vũ khí của ta. Chúng ta ở xứ ta, chúng ta được lợi thế hơn các người. Chúng ta vẫn chờ đợi, và người Việt-Nam kiên nhẫn lắm. Hãy từ bỏ một cuộc xâm chiếm không thể được, phải qui hoàn đất đai lại cho ta và lúc bấy giờ chúng ta rất hân hạnh tiếp người Pháp như bằng hữu chúng ta vậy...»

Có khi các tài liệu tấn công tâm lý giặc Pháp được dán trên những miếng ván đóng đinh vào một thân cây trên bờ sông. Nội dung các bản tuyên ngôn của Trương-công-Định chứa đựng tinh thần trung quân ái quốc, lý luận khúc chiết, lập trường cứng rắn lên án hành động cướp nước của giặc Pháp, kêu gọi lương tri của chúng ...»

«... Khi chính phủ của ta không tồn tại ở phần đất nầy, chúng ta đau khổ như đứa hài nhi mồ côi cả cha và mẹ.

«... Xứ các người ở Tây-Dương, Quốc-Gia ta ở về Đông-Hải, như con ngựa và con trâu, không biết nhau các người

« cũng khác nhau về ngôn ngữ, văn tích, phong tục. Thuở xưa, con người sinh ra trong chủng loại sai biệt nhau, dù ở đâu người ta cũng giá trị như nhau, nhưng bẩm sinh bất đồng. Sự tri ân buộc chặt chúng ta với nhà Vua của ta, chúng ta trả thù tất cả những sỉ nhục đối với Vua ta hay là chết vì Đế-Vương ta.

«Nếu các người tiếp tục đem sức lực gieo vạ cho xứ sở ta, khi sự lộn xộn còn dai dẳng, chúng ta tùy theo hướng hoạt động.

« Cái Nghĩa của ta sẽ thắng. Các người muốn hòa bình hãy trả lại lãnh thổ cho Vua ta, ta chống các người vì mục đích ấy...

« Nhưng nếu tất cả các người từ chối, ta sẽ chiến đấu không ngừng. Ta kiên giá trị các người song ta sợ lòng Trời nhiều hơn thế lực các người. Chúng ta thề nguyền sẽ đánh mãi và không ngừng...

« Khi ta thiếu tất cả, ta sẽ lấy nhánh cây làm cờ, gậy gộc để làm vũ khí cho quân lính ta...

Hỏi vậy, làm sao các người sống giữa ta.

« Chúng ta yêu cầu các người chú ý bản tuyên ngôn nầy và chấm dứt một trạng thái có hại cho quyền lợi đôi bên...»

Đầu tháng 4-1863, khi Bonard ở Huế vào, Trương-công-Định có gởi cho tướng Pháp một tờ hịch như sau :

« Chánh Nguyên Soái, anh hùng chốn rừng rú, chỉ huy trưởng nghĩa quân có trách nhiệm loại trừ bọn Tây dương, ra tờ hịch vầy ! ».

« Vương quốc cao cả Phủ-lang-Sa phải cho chuộc 3 tỉnh bị chiếm tránh binh họa cho dân chúng, không để cho chúng ta chống đối trên đất Phù lang sa mà cũng không nịnh với Nam triều. Vã lại, các quan Phù-lang-Sa ra lệnh làm cỏ tất cả những kẻ quy hàng ngay khi tuyên ngôn bãi binh ra đời.

« Dân chúng không chịu thái độ như vậy và yêu cầu ta hỏi lần nữa để chuộc tất cả những đất đai đã bị chiếm...»

Và, sau đây là bản tuyên ngôn của Trương-công-Định (phụ bản văn thư của Hải quân Trung Tướng Bonard gửi Thượng - Thư Bộ Ngoại giao Pháp ngày 23-2-1863 (Tài liệu của Tạp chí Sử Địa số... ngày...)

« Tổng Tư Lệnh Nghĩa dũng quân Bình Tây Đại nguyên Soái Thống Tướng Trương - công - Định và Bình Tây Phó Soái cùng chủ tướng chỉ huy tuyên cáo với quan lại tỉnh Vĩnh Long :

« Từ năm thứ 12 triều Tự Đức (1858) bọn man di Tây phương đã xâm nhập xứ nầy. Chúng tiếp tục gây hấn và lần lượt chiếm cứ 3 tỉnh Gia - Định, Định Tường, Biên - Hòa. Dân 3 tỉnh nầy đã nếm trải mùi tại đây, lời than trách của họ vô hiệu và ảnh hưởng của họ chẳng hề được cải thiện và họ hoàn toàn bại trận.

« Sau đó, hòa ước được ký kết với Nguyễn triều và hòa ước nầy chỉ gây thêm phẫn nộ với niềm thất vọng của nhân dân 3 tỉnh.

« Chúng tôi bèn kêu gọi tất cả các quan chức gia nhập hàng ngũ chúng tôi và hô hào ai nấy mộ binh tại khắp địa phương, nhờ vậy đã tập họp được dân chúng

thành một đạo quân nhiều ngàn người và số tiền tự ý quyên trợ đến bạc triệu. Khắp nơi ai nấy rất hoan hỉ được góp phần bằng của cải hay bằng công nhắm vào việc đuổi giặc.

« Mỗi lần đụng độ với giặc. cả hai bên đều có quân chết và vậy chúng tôi chẳng sợ địch.

« Trong khi hai vị đại thần An-Nam thừa lệnh nhà Vua đã ký kết hòa ước nhường ba tỉnh cho giặc, nhân dân ba tỉnh nầy tha thiết muốn khôi phục địa vị cũ bèn tôn chúng tôi làm lãnh đạo.

« Vậy chúng tôi không thể đừng làm điều mà chúng tôi đang làm, cho nên chúng tôi sẵn sàng chiến đấu ở miền Đông cũng như ở miền Tây, chúng tôi sẽ đề kháng, chúng tôi sẽ xông pha và sẽ phá tàn lực lượng của địch.

« Dân ba tỉnh thường bảo với nhau rằng: nếu giặc muốn ta phải chuộc lại 3 tỉnh thì cứ cho ta biết là đòi bao nhiêu ngàn bạc thì ta sẽ trả, nhược bằng ba tỉnh ấy nhất quyết phải tách lìa khỏi Vương quốc thì như lời dân chúng đã nói « chúng ta thà chết chứ không chịu làm tôi cho giặc ».

« Nếu đường giao liên của các trạm có sứ giả từ Kinh tới hoặc là quý vị có gởi thông tin báo việc quy hoàn ba tỉnh thì chúng tôi sẽ cho phép giao thông nhưng quý vị cố ý duy trì sự đã rồi bằng cách đã nhượng một phần đất nước và giúp đỡ quân giặc thì chúng tôi sẽ chống lại lệnh chính phủ và chắc chắn chẳng còn hòa giải giữa quý vị và chúng tôi.

Trong trường hợp nầy quý vị chớ lấy làm ngạc nhiên về những biến cố sẽ xảy ra.

Nhắm mục đích ấy chúng tôi gởi tới quý vị bản tuyên ngôn nầy. Năm thứ 15 Triều Vua Tự-Đức ngày 28-11-1863.

Bình Tây Đại Nguyên Soái cùng Bình Tây Phó Soái đồng ấn ký (Sao y chính bản).

Cuối cùng, chúng ta hãy chép lại một vài đoạn trong một bản hịch khác của Trương-công-Định tiêu biểu cho tinh thần kháng chiến cao cả của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ. Bản dịch nầy đã được giáo sĩ Legrand de Lyrène, thông dịch viên của Toàn quyền có ghi lại trong sách « Les première anneés de la Cochinchine, tác giả Paul Vial (Sử Địa Tập San Số... ngày... có trích đăng :

« Từ ngày lòng dân đã muốn ta lên làm ngươn nhung ba tỉnh. Trước hết ta cố gắng điều khiển Tân-Hòa chống quân cướp ấy không thâu được kết quả mỹ mãn: Chỉ còn trồng cây vào tấm lòng yêu thương không phai lợt của các người đối với ta và ân trạch vĩ đại của Triều đình.

« Vậy ta sẽ lấy vi lê làm cờ hay tầm vông làm vũ khí. Thế là xong, bất dung cho bọn cướp nước. Nhưng mà than ôi ! binh không lương thực còn bao nhiêu lúc tản mác và vũ khí dự trù phải bị chôn. Và giờ đây không có nghĩa quân để xử dụng nó, sự là lòng dân đã đổi hướng... Vì ta, ta chỉ là tên lính vô học thức và trở nên tướng lãnh vì thời thế, ta chỉ lấy cái dốt của ta, hổ thẹn ngồi cao hơn Hàm vị tướng lãnh kia, bên hữu

cũng như bên tả chẳng có người nào để ta vấn kế, ta thi hành trong sự do dự...

« Ta thu thập những ý kiến của bình dân để chiêm nghiệm và phụng sự nhân dân, những âm mưu trước mục đích hủy diệt quân cướp để cuối cùng sao dứt một hồi trống dân chúng đều thở không khí thong thả.

« Vì lẽ ấy, ta ra tờ hịch nầy, yêu cầu hãy đến đây tất cả các người, dù ở đại binh nào, từ tổng binh đến quan suất, không phân biệt sĩ phu hay võ biền, nếu có phương pháp diệt quân giặc cướp, dầu dưới nước, dầu trên bờ, dầu với xe, dầu với ngựa hay là trâu, nếu quý vị ấy có ý tưởng đoạt tàu hay thân thành, nếu các vị nầy có một óc trí tốt để kháng chiến một hang sâu, một vực thẳm để đóng một đạo quân, ta cầu xin các vị ấy hãy giúp ta phương pháp đem về kết quả lớn lao. Ta sẽ thăng thưởng các vị ấy chức vị tương đương với công, những tưởng lệ bằng tiền bạc, châu báu xứng đáng không thể gọi là phần thưởng của anh hà tiện cho.

Ta làm tờ hịch nầy cho mọi người đều biết.

Nay hịch,

(Tài liệu của Tập San Sử Địa Số... ngày...)

IV Những cái nhìn về Trương-công-Định qua lịch sử

Sinh bên tả ngạn Trà giang (Quảng Ngãi) lớn lên từ miền núi Thiên - Mã, vừa trưởng thành với lứa tuổi đôi mươi, Trương - công - Định đã rời miền Ấn Trà ôm chí lớn vào Nam lập nghiệp. Và, thời thế đã tạo người Quản cơ, Lãnh binh của Triều đình trở thành vị anh hùng dân tộc.

Trải 5 năm tranh đấu, qua 2 giai đoạn, giai đoạn hợp tác với quân Triều đình, sau đó ly khai Triều đình Huế, Trương-công-Định cương quyết đứng hẳn về phía nhân dân, cuối cùng chọn cái chết hiên ngang, hy sinh vì đại nghĩa dân tộc bên hữu ngạn giòng SoiRap vùng Đám Lá-Tối-Trời miền Gò-Công.

Trương-công-Định là một trong những vị anh hùng kháng chiến tại miền Nam, đã lãnh đạo các lực lượng chống Pháp trên mặt trận quân sự và chính trị, cả gia đình đã hy sinh vì dân tộc và đã chiến đấu chống Pháp đến phút cuối cùng.

Cho nên Trương-công-Định đã trở thành một nhân vật kháng Pháp quan trọng được chú ý đến nhiều khía cạnh.

Nhìn chung tất cả ngay đến bọn thực dân xâm lăng đều công nhận Trương công Định là một vị anh hùng dân tộc có uy tín, đức độ, một nhà ái quốc chân chính tiến bộ xuất thân không phải từ khoa bảng mà từ chính sách đồn điền của triều Nguyễn (chính sách nầy khởi xướng từ 1830 thời Lê-văn-Duyệt, được phát triển do Nguyễn-tri-Phương, chính sách đồn điền đã tạo ra một vị anh hùng nhân dân mà ảnh hưởng của sự nghiệp chống Pháp rất sâu rộng tại miền Nam.

Trước hết, ta hãy ghi lời nhận xét của Nguyễn-Thông, người Gia-Định, đương thời với Trương-Công-Định, từng tham gia kháng Pháp, tác giả Độc-Am-văn-tập, một tập tài liệu lịch sử viết về những nhân vật kháng chiến miền Nam trong đó có Trương-Công-Định (nguyên văn bằng chữ Hán, đoạn trích của dịch giả Tô-Nam và Bùi-quang-Tung, Sử Địa Số 3, - 1968).

«... Định là người có nhiều cơ mưu, hiệu lệnh nghiêm mà sáng tỏ, tướng sĩ sợ mà kính mến bởi thế lập được nhiều chiến công hiển hách, trong triều, ngoài quân dân cũng biết danh, địch quân thì nghe đến khiếp đảm. Chẳng may vận nước lâm nguy, anh hùng ngậm hờn... »

— Đại - Nam Chánh - Biên Liệt truyện, trong tiểu sử Trương - công - Định có nhận xét về danh hiệu Trung - Thiên Tướng quân, một ông tướng đứng giữa trời, không theo lời ai cả. Vì theo lệnh thì giang san bị xóa bản đồ, con cháu Rồng Tiên mắc vòng nô lệ. Sao bằng áo xiêm đùm bọc lẫn nhau, dọc ngang trên đầu nào có ai. Ấy mới gan, ấy mới tài, làm cho quân địch sờn gan, giật mình... Chí khí của ông thật là hiên ngang. Việc làm của ông quả đã oanh liệt chỉ lỗi vận nước lúc suy, lòng trời chẳng tựa... »

— Đại-Nam Nhất-Thống-Chí của Cao - xuân - Dục, Lưu-đức-Xung, Trần-đức-Xán (1909) trong tiểu sử Trương-công-Định đã ghi lại lời tâu của Phiên thần Trà-Quý-Bình :

« Nhà ông Trương-công-Định, cha con đều trung nghĩa, trên Vua từng rõ biết, xin chuẩn cấp 5 mẫu ruộng làm tư điền, giao cho người tộc thuộc Văn Hổ kế tự ».

— Chính người Pháp chủ trương diệt trừ kháng chiến cũng thừa nhận giá trị của Bình-Tây Đại-nguyên-Soái bằng những lời lẽ chân thành.

Đề cập đến những lời tuyên bố của Trương-Công-Định năm 1860 tác giả Paul Vial trong cuốn « Les premières anneés de la Cochinchine » Paul Émile dịch hịch của Định và nhận xét : « chính là ngôn ngữ cao thượng ».

Trong văn thư của Hải quân Trung-Tướng Bonard gởi bộ ngoại giao Pháp ngày 14-2-1863, có đoạn : «...Phe thù nghịch với Pháp chia nhiều nhóm đã biểu thị rõ ràng xu hướng bằng những hành động và tuyên truyền. Họ đồng tình chống lại chúng ta nếu không vì mục đích đã hoạch định thì ít ra cũng làm cho chúng ta phải rời bỏ đất Nam Kỳ.

« Quản Định cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Gò - Công, mặc dầu đã bị vị Kinh lược ở Vĩnh Long công khai không thừa nhận và nhiều phen khuyên y nên rút lui để có thể thi hành hòa ước nhưng y đã khăng khăng cự tuyệt. Như vậy là bề ngoài y ở vào cái thế phiến loạn chống Triều-đình Huế vì không tuân lệnh đã công khai ban hành nhưng y vẫn được cổ võ ngấm ngầm và được cung cấp khí giới, quân nhu, các chức tước và ấn tín nữa.

« Những người cầm đầu các phong trào khởi nghĩa Biên - Hòa đã đưa ra bản tuyên ngôn (đính gởi theo Văn thư này) hiển nhiên là họ theo quan điểm các phe kháng chiến do Thượng-Thư Trương-đăng-Quế lãnh đạo...»

Một văn thư khác của Thiếu Tướng Dela Grandière Thống-Đốc Nam-Kỳ gởi Bộ ngoại giao Thượng-Thư Pháp ngày 26-8-1864 về cái chết của Trương-Công-Định như sau :

« Hôm nay bản chức lấy làm hân hoan trình các hạ tường rằng : Quản Định mới bị giết trong một chiến dịch truy nã phản loạn đặt dưới quyền điều khiển của Hải quân Đại-úy Gongard. Ngày 19 vừa qua (198. 1864) được mật báo rằng Quản Định đã rời Phước-Lộc tới đóng một nơi trong quận Tân - Hòa tại làng Tân-Phước. Vị sĩ quan Hải quân vội vàng tổ chức « một đội gồm toàn

du kích và lính mã tà tuyển chọn những phần tử đáng tin cậy nhất, chỉ huy đội quân nầy là Đội Tấn. Đội quân chia làm 3 toán và ngay đêm sau tới bao vây ngôi nhà có loạn tướng đang trú ẩn với hai mươi đồng đảng. Tảng sáng hôm sau, cuộc tấn công khởi diễn.

Quản Định đã lọt khỏi vòng vây và Đội Tấn hết hy vọng bắt sống bèn bắn một phát vào lưng khiến y chết liền. Bốn đầu lãnh thuộc hạ trong địa hạt Phước-Lộc cũng bị giết. Người thứ năm thuộc địa hạt Tân-Hòa mà người ta đồn là một yếu nhân địa phương nặng. Rất đông dân chúng đến Gò-Công để kiểm chứng cái chết của vị Quản cơ ghê gớm. Biến cố trên làm mất của Triều đình Huế một cán bộ thật khó mà tìm người thay thế » (DeLangdière).

— Hồ-huân-Nghiệp, một nhân sĩ Bình-Dương từng được Trương-công-Định bổ nhiệm Tri phủ đã nhận xét về Trương-công-Định « Ngã chỉ chi Trương-công-Đương thế địch dị nhân ».

— Trong tập san Sử Địa số 3, xuất bản tại Sàigòn năm 1966, các học giả, Sử gia Việt Nam đương thời đã đưa ra nhiều nhận xét mới về Trương-công-Định.

Giáo sư Bình-Cầm trong lời tựa tập biên khảo về Trương-công-Định của chuyên viên Sử học Phù Lang Trương-bá-Phát đã viết :

« Trương-công-Định là một vị anh hùng kháng chiến miền Nam dưới triều Vua Tự-Đức đã khởi nghĩa chống thực dân Pháp và chiến đấu anh dũng đến giây phút cuối cùng, một nhân vật quan trọng của lịch sử Việt Nam, đến những người Pháp chống Trương-công-Định cũng thừa nhận giá trị, uy tín của ông... »

Chuyên viên khảo cổ, vừa là nhà biên khảo Vương-hồng-Sển đã viết trong Tạp chí Sử Địa số 2 đặc biệt về Trương-công-Định :

« Theo tôi, Trương-công-Định được nhiều người mến tiếc cho nên tặng chữ « công » làm chữ lót. Trương-công-Định là ông Trương tên Định thực là xứng đáng, lúc sanh tên ông chỉ là Trương Định không có chữ lót vì dân chúng sùng bái nên tặng và viết như vậy để tỏ lòng tôn kính.

— Trong buổi nói chuyện sáng ngày 21-8-1969 tại thính đường Quốc Gia Âm Nhạc do nhóm tập san Sử Địa tổ chức nhân ngày tưởng niệm Trương-công-Định, học giả Hồ-Hữu-Tường, Phó viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh đã giải thích những lý do vì sao Trương-công-Định được chọn lên hàng đầu những người kháng chiến.

Đề cập đến « Hiện tượng Trương-công-Định » nhà văn kiêm học giả Hồ-hữu-Tường đã nhận xét trong Tập San Sử Địa số đặc biệt về Trương-công-Định :

« Trương-công-Định đứng sẵn vào một cái thế là được ở địa vị làm Quản cơ một tổ chức dân quân khá lớn.

« — Những năm làm đồn điền đã tạo được nhiều công đức đối với nông dân.

« — Gan dạ và chỉ huy sáng suốt được các Quản cơ chọn làm người lãnh đạo.

— Tóm lại những yếu tố quan trọng là công, đức, tài, giá trị nội tại và cá nhân của vị anh hùng. Những yếu tố quan trọng nầy Trương-công-Định có hơn tất cả những người đương thời thì sự tuyển trạch là lẽ lối tự nhiên đưa vị anh hùng lên địa vị người-anh hùng.

« Đó là lẽ tự nhiên (The right man in the light place). Ta có thể nói một tổ chức dân tộc đã đề cử một vị anh hùng dân tộc.

« Tổng kết về đặc điểm của hiện tượng Trương-công-Định, Hồ-hữu-Tường đã viết :

— Thuở thiếu niên không làm quan và không có tư tưởng hưởng bổng lộc của Triều đình.

— Khi nước nhà hữu sự, hợp tác với Triều đình mà chống kẻ ngoại bang.

— Khi Triều đình hòa với kẻ thù thì lấy lại sự tự do hoạt động của mình mặc kệ việc làm của Triều đình và tiếp tục kháng chiến.

— Khi Triều đình dùng cái thế Vua quan mà bắt buộc, Trương-công-Định phủ nhận chức tước lớn, tự xưng là một vị Tướng quân của Trời ban cho. Đó là « Trung-Thiên Tướng quân ». Đây thật là hiện tượng.

V Trương-công-Định và nhà thơ Nguyễn-đình-Chiểu.

Cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Trương-công-Định đã quy tụ được nhiều nhân sĩ trí thức khoa bảng trong đó có tú tài Nguyễn-đình-Chiểu tức nhà thơ Nguyễn-đình-Chiểu.

Tác giả Lục văn Tiên không phải chỉ viết có 12 bài thơ liên hoàn và bài văn tế khóc Trương-công-Định mà còn là người có liên quan đến cuộc Kháng chiến do Trương-công-Định lãnh đạo. Tuy mang tật mù lòa nhưng cụ Đồ-Chiểu vẫn nặng lòng cùng non nước, luôn luôn bí mật tiếp xúc với, nghĩa binh kháng chiến bày mưu kế.

Theo lời thuật lại của ông Nguyễn-đình-Chiêm, em ruột bà

Nguyễn thị Ngọc-Khuê bút hiệu Nguyệt-Anh, con cụ Nguyễn-đình-Chiểu thì thời gian Trương-công-Định cầm đầu Nghĩa binh ở Gò-Công đã có phái người đến hỏi ý kiến cụ Đồ-Chiểu về việc nên ở lại với nghĩa binh hay nhận chức Lãnh-Binh An-Hà.

Nguyễn-đình-Chiểu đã trả lời : « Tình thế anh đi thì càng hay mà ở lại càng hay». Trương-công-Định từng coi cụ Đồ-Chiểu như người tri kỷ. Năm 1861, Định có yêu cầu Nguyễn-đình-Chiểu gia nhập bộ tham mưu nghĩa binh kháng chiến nhưng Cụ Đồ từ chối lý do vì mù lòa. Tuy thế, mỗi khi có việc chưa thông, Trương-công-Định đã nhiều lần cầu mưu hỏi ý kiến Nguyễn-đình-Chiểu trước khi thi hành hay giải quyết.

Khi Trương-công-Định chết Cụ Đồ Chiểu rất đau khổ về tinh thần và có làm 12 bài liên hoàn bát cú và một bài văn tế theo thể cổ văn đại bút để điếu người anh hùng kháng chiến :

ĐIẾU TRƯƠNG-ĐỊNH

I

Trong Nạm tên họ nổi như cồn
Mấy trận Gò-Công nức tiếng đồn.
Dấu đạn hơi rem tàu bạch quĩ
Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ
Quả ấn Bình-Tây đất vội chôn.
Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy
Lâm râm ba chữ điếu linh hồn

II

Linh hồn nay đã tách theo thần

Sáu tỉnh còn roi dấu tướng quân.
Mực sở lãnh-binh mờ mắt giặc
Son bằng ứng nghĩa thấm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam tử
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần
Ốc ngỡ tướng tinh rày trở mặt
Giúp xong nhà nước buổi gian truân

III

Gian truân kể xiết mấy nhiêu lần
Vì nước đành trao một tấm thân
Nghe chốn Lý-Nhân người sảng sốt
Nhìn cồn Đa-Phước cảnh bâng khuâng
Bát cơm Kê-lữ chi sờn buổi
Mảnh áo mông nhung chẳng nệ phần
Chí dốc ra tay nâng vạc ngã
Trước sau cho trọn chữ quân thần

IV

Quân thần còn gánh nặng hai vai
Lỡ dở công trình hệ bởi ai ?
Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ
Một gò cô lũy chống hôm mai.
Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước
Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.
May rủi phải chăng trời đất biết
Một tay chống chỏi mấy năm dài.

V

Năm dài những mảng ngóng tin Vua
Nhín nhục thầm toan lẽ được thua.

U, Kế năm hằng còn chỗ đoái
Ngô Tôn trăm chước đợi ngày đua.
Bày lòng thần tử vài hàng sớ
Giữ mối giang sơn mấy đạo bùa.
Phải đặng tuổi trời cho mượn số
Cuộc nầy ngay vạy có phân bua.

VI

Phân bua trời đất biết cho lòng
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.
Cám nỗi nhà nghiêng mong chống cột
Nài bao bóng xế huống day đồng.
Đồng-Nai, Chợ Mỹ lo nhiều phía
Bến-Nghé, Sàigòn kể mấy đông
Dẫu biết dụng binh nhờ đất hiểm
Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-Công

VII

Gò-Công binh giáp ngó chàng ràng
Đoái Bắc trông Nam luống thở than
Trên trại Đồn Đàn hoa khóc chủ
Dưới vàm Bao-ngược sóng kêu quan
Mây giăng Truông Cóc đường quân vắng
Trăng xế gò rùa tiếng đầu tan
Mấy dặm non sông đều xửng vững
Nạn dân ách nước để ai toan ?

VIII

Ai toan cho thấu máy trời sâu ?
Sự thế ôi thôi đã lắc đầu

Giặc cỏ om sòm mưa lại nhóm
Binh sương lác đác nắng liền thâu
Cờ lau đã xếp trên giồng cát
Trống sấm còn gầm dưới cửa Khâu
Cảnh ấy những mơ người ấy lại
Hội nầy nào thấy Tướng quân đâu ?

IX

Tướng quân đâu hỡi có hay chăng ?
Sáu ải cơ đồ nửa đã ngăn
Cám nỗi kiến ong ra sức dẹp
Quản bao sâu mọt chịu lời nhăng
Đá kêu rêu mọc bia Dương Nghiệp
Cỏ úa hoa tàn mã Lý-Lăng
Thôi vậy, thì vầy thôi cũng vậy
Anh hùng đến thế dễ ai dằn ?

X

Dễ ai dằn thúc lối sau nầy
Trời bởi chưa cho vội đổi xây
Thà buổi trường sa da ngựa bọc
Khỏi nơi đạo Chích tiếng muông rầy
Lục lâm mấy chặng hoa sầu bạn
Thủy Hử vì đâu nhạn lẽ bầy.
Hay vậy cõi biên giong vó ký
Náu nương chờ vận có đâu vầy

XI

Đâu vầy sấm chớp nổ thình lình
Gió bặt thêm buồn mấy đạo binh,
Ngựa trạm xăng văng miền Bắc khuyết

Xe nhung ngơ ngẩn cõi Tây-Ninh
Bài văn phá Lỗ, cờ chưa tế
Tấm bảng phong thần gió đã kinh
Trong cuộc còn nhiều trang tướng-tá.
Lời nguyền trung nghĩa há làm thinh

XII

Làm thinh hổ đứng giữa hai ngôi
Nếm mật từ đây khó nỗi ngồi
Mũi giáo Thi-Toàn đừng để sét
Lưỡi gươm Dư-Nhượng phải toan giới.
Đánh Kim chi sá thằng Lưu-Dự
Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi
Dâng hộ nước Nam về một mối
Ngàn năm miếu vũ rạng công tôi

Văn tế TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Hỡi ôi !

1.— Giặc cỏ bò lan ;

Tướng quân mắc hại !

2.— Ngọn khói Tây-bang đóng đó, cõi Biên còn trống đánh sơn lâm ;

Bóng sao Vũ-khúc về đâu, đêm thu vắng tiếng canh dinh trái.

Nhớ tướng quân xưa ;

3.— Gặp thuở bình cư,

Làm người chí đại

4.— Từ thuở ở hàng viền lữ, pháp binh trăm trận đã làu.

Đến khi ra quản đồn điền, võ nghệ mấy ban cũng trải.

5.— Lúc giặc đánh tới theo quan Tổng-Đốc trường thi, mõ súng trọn mấy năm ra sức tranh tiên

Lúc cuộc tan về ở huyện Tân-Hòa đắp lũy hàn sông giữ một góc bày lòng địch thái.

6.— Chợt thấy cánh buồm lai sứ việc giảng hòa những tưởng rằng xong ;

Đã đành tấm giấy tựu phong, phận Thần tử há đâu dám cãi

7.— Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu, đón ngăn mấy dặm mã tiền ;

Theo bụng dân phải chịu tướng quân phù, gánh vác một vai khổn ngoại.

8.— Gồm ba tỉnh dựng cờ phấn nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo ;

Tóm muôn dân gầy sổ mộ quân, luật lịnh nào ai dám nhại

9.— Văn thì nhờ Tham-biện, Thương-biện giúp các cơ bàn bạc nhung công.

Võ thì dùng Tổng-binh; Đốc-binh, coi mấy đạo sửa sang khí giới.

Thương ôi !

10.— Tiền vàng ơn chúa, trót đã rỡ ràng.
Ấn bạc mưu binh nào từng trể nãi.

11.— Chí lắm dốc cờ xuê lộ bố chói sắc giữa trào ;

Ai muốn đem gươm báu cang tương chôn hơi ngoài ải.

Há chẳng thấy ?

12.— Sức giặc Lang-Sa.

nhiều phương quỉ quái.

13.— Giăng dưới nước tàu đồng, tàu sắt, súng nổ quá bắp rang,

Kéo lên bờ Ma-ní, ma-tà, đạn bắn như mưa vãi.

14.— Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan đè trứng ngàn cân.

Huống chi cô lũy ngày nay, đâu dám chắc treo mành một dải.

Nhưng vậy mà.

15.— Vì nước tấm thân đã nấy :

Còn mất cũng cam ;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm : nên

hư nào nại.

16.— Rạch-Lá, Gò-Công mấy trận, người thấy đã kinh ;

Cửa Khâu, Trại Cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

17.— Nhọc sức hộ tào biên sổ, lương tiền nhà ruộng, cho một câu hão nghĩa lạc quyên ;

Nào nhọc quan Võ-khố bình cân, thuốc đạn ghe buôn, quyền bốn chữ giang thương đạo tải.

18.— Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt các nơi.

Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhung mấy cái.

Ôi !

19.— Chí dốc đem về non nước cũ ghe phen hoạn nạn, cây thương phá lỗ chưa lìa ;

Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm chung, tấm bảng phong-thần vội oải,

20.— Chạnh lòng quân sĩ, thương quan Tướng, nhắc quan Tướng chiu chít như gà.

Bực trí nhân dân, giận thằng tà, mắng thằng tà, om sòm như nhái.

Ôi !

21.— Sự thế hởi bên Hồ, bên Hớn, bao giờ về một mối xa thơ.

Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, đâu nỡ hại một tay tướng soái !

22.— Nào phải kẻ táng sư đầu giặc mà để nhục miếu đường

Nào phải người kiểu chiếu đánh phiên, mà gây thù bên tái ?

23.— Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, vận Nam-Thiên phải bắt Nhạc-Phi về. Hoặc là trăm họ hoành la thời U-địa chẳng cho Dương-Nghiệp lại.

24.— Vì ai khiến dưa chia khăn xẻ, nhìn giang san ba tỉnh luống thân buồn.

Biết thuở nào cờ phất trống rung, hơi nhật nguyệt hai vầng sao chẳng đoái !

25.— Còn chi nữa ; cõi cô thế riêng than người khóc tượng, nhắm mắt rồi may rủi một trường không ;

Thôi đã đành : bóng tà dương gấm ghé kẻ day đòng quảy gót lại hơn thua trăm trận bãi.

Ôi !

26.— Làm ra cớ ấy, tạo hóa ghét nhau chi ?

Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi !

27.— Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng nhọc nhằn vì nước nào sờn tiếng thị, tiếng phi.

Cõi An-hà một chức chịu Lãnh-binh, lây lất theo thời, chưa chắc đâu thành đâu bại,

28.— Khóc là khóc : nước nhà cơn bấn loạn, hôm mai vắng chúa, thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;

Than là than : bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông Vua, ngơ ngẩn một phường trẻ dại.

29.— Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thảy kiêng dè.

Tướng quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa binh thêm bãi xái.

30.— Nào đã đăng mấy hồi thích lý, mản hôm che mặt rằng xuê : Thà chẳng may một giấc chốn trường sa, da ngựa bọc thây mới phải.

Ôi !

31.— Trời Bến-Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp lúc gian truân ;

Đất Gò-Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần-tử hết lòng trung ái

32.— Xưa còn làm tướng, dốc rạng giồi hai chữ bình Tây ;

Nay thác về Thần xin dưng hộ một câu phúc thái.

(Trích tài liệu của
Phù-Lang Trương-bá-Phát
Tập-San Sử-Địa số Đặc
Khảo về Trương-công-Định
Số 3 (7-8-9-1966)

LÊ - TRUNG - ĐÌNH

(1857 - 1885)

I THÂN THẾ

1.— Quê hương và gia thế :

Quê hương của Lê-trung-Đình xưa là Phú-Nhơn Bình-Sơn (nay xã Sơn-Long, Sơn-Tịnh) một làng trù phú nằm bên tả ngạn sông Trà, có đường quốc lộ chạy ngang, có Thiên-Ấn niêm hà thắng cảnh hàng đầu, có Quán-Cơm từng là nơi dừng chân của khách bộ hành khi cầu Trà-Khúc chưa bắt qua sông, nối liền đôi bờ ranh giới Sơn-Tịnh, Tư-Nghĩa.

Làng Phú-nhơn in bóng núi đồi, nhô lên, sụn xuống, đầu cao, đầu thấp, hình núi khuất khúc từ Tham-Hội Bình-Sơn phía bắc chạy vào giáp sông Trà-Khúc, Khúc vạy Khúc ngay, có bờ xe nước quay lăn bánh tròn tung bọt trắng xóa dâng nước về đồng suốt vụ xuân hạ tô điểm sắc xanh cho đồng lúa bát ngát.

Dòng họ Lê là một dòng họ khoa bảng rất mực thanh bạch liêm khiết trung hậu. Chữ lót của dòng họ Lê do Dực-Tôn Hoàng-Đế ân tứ. Đã có lần Vua Tự-Đức khen cụ Lê-trung-Lượng (Lạng) thân phụ của Lê-trung-Đình về đức tính thanh liêm (Thanh như Lượng) Cụ Lượng có tài kinh bang tế thế, lúc làm Tri huyện Nam-Đàn (Nghệ-An) đã có công khẩn hoang lập ấp,

thành lập 12 xã và được dân nơi đây tôn làm Phước-Hiền. Khi giữ chức vụ Án-Sát Bình-Thuận có lần cụ Lượng đã bị kết tội khi Quân vì đã nóng lòng phê bình chính sách Triều đình Huế, sau nhờ có môn sinh và dân 12 xã ấp, huyện Nam-Đàn, vào Kinh đội sớ xin tha tội nên mới được nhà Vua khoan hồng.

2) Tiểu sử

Theo bút tích ghi lại của ông Nguyễn-đức-Mậu (một Đông y sĩ nổi tiếng trong tỉnh, thân phụ là cụ Nguyễn-đức-Trạch, bạn đồng môn với Cử-Đình) theo lời kể lại của cụ Nguyễn-đức-Trạch thì :

Lê-trung-Đình bút hiệu Long-Cang sinh năm Đinh Tị, Tự-Đức thứ 10 (1857), đứng hàng thứ 6 của một gia đình 10 con (4 trai, 6 gái) và là con trai thứ 3 của cụ Lê-trung-Lượng.

Tướng mạo của Cử-Đình khôi ngô, khi đi hai lòng bàn chân cong lại không dính đất, tính tình khẳng khái, thông minh vượt bực, 15 tuổi đã thuộc làu kinh sử, văn chương nổi tiếng khắp tỉnh. Thầy dạy học của ông Đình là Tú Tài Phan-Thanh xã An-Nhơn, một ông thầy nổi tiếng ở địa phương, dân chúng thường gọi ông Tú Bảy, Tú Thầy, tác giả bài vè « Lụt Bất quá » được phổ biến rộng rãi, có nhiều môn sinh thành đạt. Tạ-Tương (Tấn sĩ giáp-Thìn 1908) Đỗ Duân (Hội-Nguyên) Trương-quang-Đãn (Đông Các Đại học Sĩ, tác giả Cúc-Khê thi tập) Ông Đình cũng từng được thân phụ gởi theo học ông Cử Nguyễn-duy-Cung tức Án Cung, tác giả « Huyết lệ tâm thư », Án Sát Bình-Định, hưởng ứng phong trào Cần-Vương, tử tiết trong thành Bình Định.

Năm Tự-Đức 32 Kỹ-Mão (1879) ông Đình dự khoa thi

Hương tại trường Bình-Định, tin tưởng sẽ chiếm chức Thủ-Khoa nhưng vì lơ đễnh Chữ nhất xuất vận nên bị đánh hỏng.

Năm Nhâm-Ngọ (1882) lại dự thi một lần nữa tại Bình-Định, quyết giành Thủ-Khoa nhưng đến lúc treo bảng ông Đình chỉ đậu Cử nhân vì bài phú «Thượng Hữu» đã viết thoát khuôn khổ văn phạm.

Tính tình cương trực, cảm xúc trước cảnh suy vong của đất nước, Cử-Đình ngao ngán đường thi cử, khinh thường hoạn lộ công danh, chỉ lo nghiên cứu binh thư đồ trận, theo dõi tình hình trong nước và âm thầm nung nấu tinh thần ái quốc.

Phong trào nghĩa hội với lý tưởng Cần-Vương được bí mật tổ chức sâu rộng tại các tỉnh miền Trung. Cử-Đình cùng Tú Tân (tức Nguyễn-tự-Tân Sinh năm 1848, thôn Phước-Thọ, làng Trung-Sơn (Bình Lãnh) đậu Tú-Tài tại trường thi Bình-Định (1868 lúc 20 tuổi) hai vị khoa bảng nầy tích cực tham gia Nghĩa-hội, thiết lập chiến khu Truyền-Tung (Bình-Sơn), chiêu tập nghĩa binh, luyện tập xử dụng vũ khí vận động quần chúng, trở thành lãnh tụ Cần-Vương tại Quảng-Ngãi.

Ngày 1-6 Ất Dậu (7-1885) từ chiến khu Truyền-Tung, Lê-trung-Đình và Nguyễn-tự-Tân kéo quân về chiếm thành Quảng-Ngãi ngay trong phút đầu, giữ thành được 5 hôm, ngày thứ 6 bị quân của Tiều-phủ-Sơn phòng Nguyễn-Thân phản công tái chiếm thành Quảng-Ngãi. Phó-Tướng Nguyễn-tự-Tân bị chém tại chỗ Lê-trung-Đình bị hạ ngục.

Lúc đầu Nguyễn-Thân có ý định thuyết phục cử Đình để dùng nhưng vì lời dèm pha « dưỡng hổ di họa », hơn nữa biết Cử-Đình không bao giờ chịu quy thuận nên cuối cùng

Tiều-phủ-Sơn phòng không có ý kiến gì về quyết định của Đề-Đốc Đinh-văn-Hội hạ lệnh xử tử Cử Đình. Cử Đình bị chém ngày 12-6 âl (tháng 7-1885) trong thành Quảng-Ngãi góc tây bắc sau một tuần lễ bị giam giữ.

Thời gian Lê-trung-Đình bị hạ ngục, gia đình họ Lê bị bọn quan lại Triều đình thân Pháp khủng bố ráo riết. Ông anh thứ 5 phải thắt cổ chết tại Nhơn-Hà, người vợ trẻ của Cử Đình con gái dòng họ Trương đang có mang phải chạy về ẩn náu tại Nghĩa-Hành, sau đẻ được người con trai duy nhất mà ở địa phương gọi là ông Viên-Rền. Bà Cử Đình thường ru con bằng thơ cách mạng của chồng.

Trước khi chết, Cử Đình đã viết tâm thơ nói lên ý chí cách mạng của mình :

« Máu đỏ tạc sơn ba tấc lưỡi
Gan vàng hực lửa một lòng son »

Lê-trung-Đình chết năm 29 tuổi để lại 1 con trai. Hai cháu nội của ông hiện còn sinh sống tại Quảng-Ngãi : Lê-trung-Kiệt (giáo sư) Lê-trung-Nho (hoạt động chính trị).

Tỉnh Quảng-Ngãi từng được lấy tên là tỉnh Lê-trung-Đình vào năm 1945, thời ấy một trường lớn cũng lấy tên Trung-Học tư thục Lê-trung-Đình. Hiện nay con đường thương mại lớn nhất trong tỉnh lỵ Quảng-Ngãi đặt tên Đại-Lộ Lê-trung-Đình.

Mộ Cử Đình hiện tọa lạc xóm Mít, ấp Phú-nhơn, giáp giới Mỹ-Lộc, xã Sơn-Long cách tỉnh lỵ 5km đông-bắc. Mộ nằm giữa đám thổ của gia đình, rộng độ 1 sào, quanh năm có bóng mía che khuất.

Nhà thờ chính của họ Lê ở ấp Phú-Nhơn, xã Sơn-Long

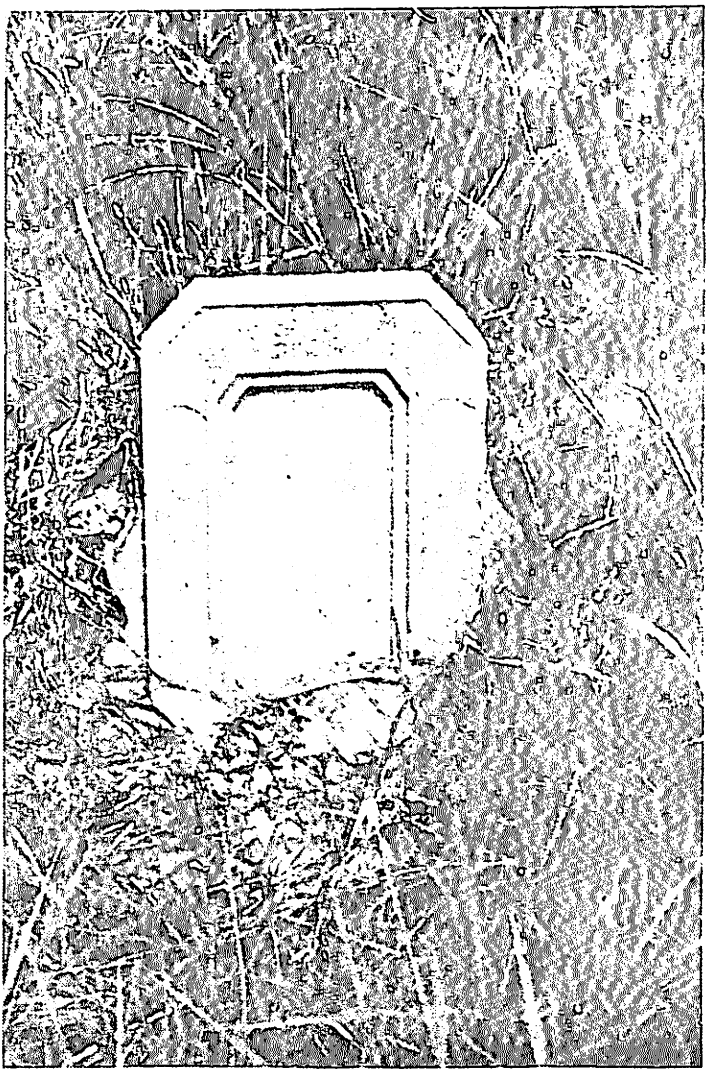

Mộ Lê Trung-Đình tại xóm Mít ấp Phú-Nhơn xã Sơn-Long, Sơn-Tịnh (Quảng-Ngãi)

sát quận lỵ Sơn-Tịnh về phía đông. Ngày giỗ chính 1 tháng 5 âl, ngày chạp 4-12 âl hằng năm.

3) Giai thoại

Cử Đình là một nhân vật khoa bảng nổi tiếng không những về sự nghiệp cách mạng kháng Pháp, cột trụ của phong trào Cần-Vương tại Quảng-Ngãi mà còn nổi tiếng về tài văn chương lỗi lạc và khí phách anh hùng.

Tuy không còn lưu bút tích nhưng Cử Đình còn để lại nhiều giai thoại lý thú được truyền khẩu trong dân chúng.

a) Ghẹo con gái của thầy

Án Cung, tức Nguyễn-duy-Cung, người Châu Vạn-Tượng (hiện ấp Thanh-Liêm, xã Tư-Bình, Quảng-Ngãi) đậu Cử nhân, nguyên Tham biện Sơn Phòng Quảng-Ngãi rồi Đề-Hình (Án Sát) Bình-Định, sau nầy hưởng ứng phong trào Cần-Vương.

Nguyễn-duy-Cung là thầy dạy học của Cử-Đình. Ông thầy nầy có một cô gái lớn khá đẹp nhưng rất tinh nghịch, thường hay đi tiểu gần lớp học.

Các bạn đồng môn của Cử-Đình rất bực tức, thách Cử Đình tìm dịp chọc ghẹo cô gái kia cho bỏ ghét.

Cử Đình hăng hái nhận lời bạn bè và đã có lần suýt diễn trò « chọc gái » quấy rầy cô con gái của thầy nhưng chưa kịp thi hành đã bị ông Án-Cung tình cờ bắt gặp và đe nọc ra đánh roi để trừng phạt.

Cử Đình liền xử dụng món sở trường, ứng khẩu bài thơ tứ tuyệt phân trần cùng thầy :

Nhà thờ chính của họ Lê ở xã Sơn Long (Quảng-Ngãi) nơi thờ phụng Lê-trung-Đình

« Khoan khoan, con nói để thầy nghe
Mới vật xuống đây, chửa kịp đè
Hai cánh hường môn còn khép chặt
Ngọn cờ xích xí mới lo le »

Ông Án Cung hiểu rõ câu chuyện hết giận, lại khen Cử Đình biết lấy tục làm thanh hơn nữa lời thơ bao hàm khí phách của một thanh niên.

Tình thầy trò thắm thiết sau nầy khi nghe Cử Đình bị bắt, Án-Cung vội vã từ Bình-Định về Quảng-Ngãi với ý định vận động cho Cử Đình được trả lại tự do nhưng vừa đến thành thì đầu người học trò thân yêu đã bị rời khỏi cổ, lăn từ góc tây bắc thành Quảng-Ngãi ra ngoài.

b) Đùa nghịch, đối đáp với bạn bè

Có tài xuất khẩu thành thơ, trào lộng một cách tài tình. Một dịp ngồi chơi với bạn bè, lở đau bụng phải xả hơi xấu, nhân đó Cử Đình tự vịnh !

« Lê-trung-Đình
Bụng sình hề, bụng sình
Ống vố còn kình
Huống chi điếu bình
Mùi tợ bánh khô chi vị
Tiếng đùng pháo Tết chi thinh ».

Có lần Thủ-Khoa Điện ra câu đối :

— Đình hư giữa chợ, ăn mày ngủ

Cử Đình đối ngay :

— Điện tế ngoài đồng chó dói ăn

Ông Cử Châu nhái Trần-bá-Võ ra câu đối :

Đình ra sân, Đình đứng, Đình dừng, Đình bị sét, Đình còn một cột.

Cử Đình liền đối :

— Võ ỷ mạnh, võ ra võ múa, võ mắc mưa, võ ướt hết lông.

Hai câu đối nầy ứng nghiệm vào đời hai người sau nầy : Cụ Cử Võ bị nan y, Cử Đình bị chết chém.

c) Câu chuyện trường thi Bình-Định

Năm 1879, Lê-trung-Đình dự khoa thi Hương ở Bình-Định, tin tưởng sẽ chiếm Thủ-Khoa nhưng vì vô ý để Chữ nhất xuất vận, phạm trường quy nên bị hỏng. Cử Đình có bài tự thuật, có đoạn :

« Bình-Sơn nải tranh khôi chi địa,
Như Nguyễn, như Trương. như Phạm cũng danh dương
Còn hậu sinh như Bá-Võ, Trung-Đình
Lâu nay cũng rập rình nơi Long-Thủ
Khoa Kỷ-Mão : ưu, bình trường nhất đủ
Giải nguyên nầy hai chú hãy giành nhau
Chữ nhất kia xuất vận bởi vì đâu ?
Nên Đình lại qua khoa Nhâm-Ngũ
Còn một tay Bá-Võ vào trường ba, Chũ Tấn hại quên đài

Úy thôi thôi hỏng cả vừa hai
Con tạo khéo thày lay chi lắm bấy
Long độc nhãn Phi lai hà xứ tộc

Mất-Thủ-Khoa về bởi tay ai ?
Rồng Khúc-Thủy lạc loài nơi Chương-Nghĩa.»

Năm Nhâm ngũ, đúng như lời hẹn, Lê-trung-Đình lại dự thí trường Bình-Định, quyết giành Thủ-Khoa kỳ nầy. Trong khi chờ đợi vào trường thi, Cử Đình có tâm sự với bạn bè : « Lần nầy có chấm bài tôi thì các quan nên chờ bữa nào nắng ráo chứ gặp trời mưa khuyên son 'nhiều sợ không kịp khô ». Nhưng đến khi treo bảng thì Cử Đình chỉ đậu Cử-nhân, Thủ-Khoa Nhâm-ngọ cũng về Quảng-Ngãi nhưng lọt vào tay ông Chất.

Nhân vụ nầy, có giai thoại kể rằng : khi coi bảng, Cử-Đình rất tức tối vì biết Thủ-Khoa kỳ nầy kém tài hơn mình nhiều. Vì bực tức nên vô lễ gặp tên Thủ-Khoa Chất, sẵn quạt cầm tay Cử Đình dập nhẹ vào đầu ông Chất vừa nói : « Thủ Khoa gì ông mà Thủ-Khoa ? »

Ông chánh Chủ-Khảo truyền nọc Cử-Đình đánh roi. Bị đánh xong, Cử-Đình ngồi dậy ứng khẩu hai câu thơ :

« Đầu Thủ-Khoa năm ba dấu quạt
Đít Cử Đình sáu bảy lằn roi »

Mọi người đều cười và khen tài khẩu khí của Cử Đình.

Theo giáo sư Lê-Kính (Tú Tài khoa Mậu-Ngọ (1918) kể lại một cách xác thực hơn thì không hề có chuyện Cử Đình đánh tân Thủ khoa. và cũng không bao giờ một chánh chủ khảo có quyền nọc đánh một tân khoa.

Sự thật như sau :

Được biết Lê-trung-Đình nổi tiếng hay chữ tại Quảng-Ngãi vào thi mà chỉ đậu Cử-nhân, ông Chánh chủ khảo có cho mời

vị tân khoa đến gặp và đọc một đoạn ngắn trong bài phú Thượng Hữu vấn Cái Tử của Lê-trung-Đình và cả bài của Thủ-Khoa Chất.

Bài Cử Đình nét thoát ra khuôn khổ văn phạm hán học. Có 2 câu :

« Canh-Đế Thuấn ư Đường Nghiêu
Mộng Châu-Công ư Khổng-Tử »

Hai câu trên, quan trường cho tối nghĩa, không xuất sắc mạch lạc bằng 4 câu của Thủ-Khoa Chất :

« Đông Châu chí Thánh
Mộng kiến Châu-Công
Chiến quốc đại hiền
Nguyện học Khổng-Tử»

Trong buổi lễ trình diện 16 tân Cử nhân tại dinh Tổng-Đốc, ông chánh Chủ Khảo có hội ý kiến về giá trị 2 đoạn trích trong Phú Thượng hữu của Cử-Đình và Thủ-Khoa Chất.

Cử Đình thản nhiên trả lời « bài của anh Thủ-khoa Chất có hay nhưng chỉ hay 4 câu đó thôi. ».

Sau buổi trình diện ở dinh Tổng - Đốc Bình- Định, ra về, các tân khoa Quảng-Ngãi họp nhau ở quán để ăn uống. Cử-Đình có nói với Thủ-Khoa Chất « ông chủ khảo muốn anh đậu cao thì cố kiếm 4 câu trên và muốn tôi đậu thấp thì cũng chỉ xem 4 câu của tôi thôi ». Thủ-khoa Chất và Cử-Đình tranh luận nhau sôi nổi suýt mất hòa khí, biến thành ẩu đả nếu không có sự can gián của các ông Cử khác.

D) Tranh luận với Phó Bảng Đỗ-đăng-Đệ

Đỗ-đăng-Đệ, người cùng làng với Lê-trung-Đình, đậu

Phó Bảng năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842) nổi tiếng văn học có lưu lại tập « Tòng-Đường di thảo », có con trai Đỗ-Duân đậu Hội Nguyên, năm Tự-Đức 34 (1859) Thượng Thư hưu trí.

Giai thoại kể rằng : Khi vừa đậu Cử nhân ở Bình-Định về, Cử-Đình có ghé thăm Đỗ Duân bạn đồng môn nhưng không gặp, chỉ có thân sinh của Duân là ông Đệ ở nhà. Phó Bảng Đệ tiếp chuyện Cử-Đình ở gian nhà trên. Cử-Đình ngồi ở trường kỷ đối diện, trong lúc trả lời những câu hỏi của Phó Bảng Đệ đã với chiếc bình vôi têm trầu ăn nhưng không biết vô tình hay cố ý lại trả chiếc bình vôi ngay trước mặt ông Đệ.

Ông Đệ cho hành động trên là vô lễ, xấc xược đối với người lớn và đã ngỏ lời quở trách : « Thầy-Cử, thầy khí quá, khi như anh Lượng thuở trước là cùng » (cố ý nhắc lại việc cụ thân sinh của Cử-Đình từng bị mắc tội khi quân vì có lời phê bình chính sách của Triều-đình). Cử Đình lễ phép ung dung trả lời :

— Thưa cụ lớn, cha con có khí nhưng khí đạo, khí tiết, khí nghĩa, nghĩa lý chi khí chứ không khí « tặc vị chí khí thành nhi tẩu (cố ý châm biếm việc Phó Bảng Đệ bị cách chức vì đã để thất thủ thành Định-Tường năm Tự-Đức thứ 12 (1859) lúc ông Đệ còn làm trấn thủ thành này. Ông Đệ rất giận. (Giai thoại nầy có người kể lại lý do Phó Bảng Đệ quở trách Cử Đình là vì những lời khí khái của Cử Đình thời thư sinh trong lúc tranh luận với bạn là Đỗ Duân (con của ông Đệ) trong ván cờ tướng tại nhà Duân.

Đ) Tiếng nhạc ngựa và lời thơ giáng bút trong đêm

Mộ Lê-trung-Đình nằm giữa thửa đất nhà tại xóm Mít xã

Sơn-Long, quanh năm ẩn khuất dưới bóng mía, có mương nước xe chảy ngang qua xóm nhà lưa thưa, có hàng tre nhỏ trên bờ ruộng lúa.

Đồng bào trong xóm Mít kể lại, bóng Cử-Đình thỉnh thoảng còn hiện về nhất là những đêm thanh vắng có tiếng nhạc ngựa rung, âm thanh nghe rõ, loang xa khắp vùng.

Và, trong những buổi cầu cơ, đôi khi có những bài thơ của Cử Đình giáng bút như để bày tỏ niềm sự cùng người hậu thế ở dương gian :

Có đoạn thư sau :

« Ngó thấy giang san những ngậm ngùi
Buồn lòng mượn cảnh để làm vui
Tiếng chim kêu hạ lòng tơ tưởng
Giọng dế ngâm thu dạ sụt sùi

. . . . . .

. . . . . .

Non sông đâu chẳng là trăng gió
Nhắn khách đừng tham miếng ngọt bùi »

II SỰ NGHIỆP

1) Lãnh đạo Phong trào Cần-Vương tại Quảng - Ngãi

Năm Ất Dậu (1885) ngày 5-7-1885 thành Thuận-Hóa thất thủ vào tay Decourcy. Vua Hàm-Nghi xuất bôn ra Quảng-Trị xuống chiếu Cần-Vương.

Hàng ngũ quốc gia phân hóa rõ rệt hai phe : thân Pháp, thân Cần-Vương.

Hưởng ứng hịch Cần-Vương của Vua Hàm-Nghi tại Quảng-Ngãi Cử-Đình và Tú Tân đứng ra lãnh đạo phong trào kháng Pháp, tập họp các nhân Sĩ trí thức Khoa bảng, kết hợp các nghĩa Sĩ yêu nước thiết lập Nghĩa-Hội biến thành lực lượng vũ trang để cướp Chính quyền tại tỉnh, định dùng lực lượng nầy tiến về Kinh Đô giúp Vua Hàm Nghi khôi phục lại Kinh thành Huế.

Tổ chức kháng Pháp Nghĩa-Hội được hưởng ứng mạnh mẽ tại 3 tỉnh :

Quảng-Nam có Nguyễn-duy-Hiệu.

Quảng-Ngãi : Lê trung Đình, Nguyễn tự Tân.

Bình-Định : Mai-Xuân-Thưởng, Nguyễn-duy-Cung, Nguyễn-Cang

Tuy được tổ chức trong vòng bí-mật nhưng thanh thế nghĩa quân rất lớn và tổ chức Nghĩa Hội ngày càng bành trướng, được cảm tình nồng nhiệt và sự ủng hộ nhiệt thành của các tầng lớp nhân sĩ trí thức và đông đảo dân chúng.

Chiến khu Truyền Tung (Tây Bắc Bình-Sơn) là căn cứ quân sự chính của quân Nghĩa hội, nơi tập họp các lực lượng vũ trang, huấn luyện, dự trử lương thực chuẩn bị tấn công thành Quảng-Ngãi.

2) Chỉ huy chiếm thành Quảng Ngãi

Tình thế đã chín mùi, lực lượng đã lớn mạnh, quân Nghĩa-hội quyết định tấn công chiếm thành Quảng Ngãi theo như chiến lược đã vạch sẵn trong giai đoạn đầu.

Ngày 1 tháng 6 Ất Dậu (tháng 7-1885) dưới sự chỉ huy trực tiếp của Chánh Tướng Lê-trung-Đình và Phó Tướng Nguyễn-tự-Tân, quân nghĩa hội xuất phát từ chiến khu Truyền

Tung hùng dũng kéo về Nam, hướng tỉnh lỵ. Trên đường tiến quân bỗng gặp một người đàn bà chửa, có người cho là điềm không lành khuyên tạm hoãn binh nhưng Nguyễn-tự-Tân ra lệnh cứ tiến, kẻ nào do dự sẽ bị chém đầu.

Từ tây bắc Bình-Sơn đoàn quân Cách mạng dừng lại Quán Cơm rẽ phía đông-nam và tập họp trên bãi cát sông Trà. Sau khi kiểm điểm lực lượng, quân Nghĩa-Hội chia làm 3 đội, dùng thuyền nhỏ vượt qua sông Trà do 3 ngã, bao vây thành Quảng-ngãi và chiếm thành ngay trong đêm 1 tháng 6. Lực Lượng Cần-Vương không gặp sức chống cự nào đáng kể của quân Triều đình thân Pháp. Tại Trường Bảng, sát quốc lộ 1, hàng ngàn dân chúng điềm đăng, kéo cờ chào mừng chiến thắng đầu tiên của quân Cần-Vương chống Pháp và hân hoan nghênh đón Cử Đình Tú Tân.

Chiếm thành, lập tức Cử Đình ra lệnh ân xá phạm nhân, bố trí canh phòng, thao dượt binh sĩ, tích trữ lương thực, đặc biệt đã có ý định tôn ông Hoàng-Sứ tức Tuy-lý-Vương (lúc bây giờ bị Nguyễn-văn-Tường an trí tại Quảng-Ngãi vì có con là Hường-Sâm bí mật giao thiệp với Khâm Sứ Champeaux) làm Minh-Chủ để sáng tỏ thêm Chính nghĩa Cần-Vương nhưng Tuy-lý-Vương từ chối.

Lúc đang làm chủ thành Quảng-Ngãi, Phó tướng Nguyễn-tự-Tân xem thiên văn thấy sát khí nổi dậy từ phía tây nam ngờ có nội phản liền thị sát các Vệ quân đang phòng thủ. Tú-Tân nghi Vệ hữu do đội Hùng chỉ huy có ý phản bội, lập tức đem viên đội nầy ra chém thị oai. Do đó nghĩa binh thuộc Vệ hữu bất mãn bí mật liên lạc phối hợp với quân Sơn-phòng, mặt khác gây mâu thuẫn, ly gián nội bộ quân Cần-Vương.

Làm Chủ thành Quảng-Ngãi được 5 hôm, ngày 5-6 Ất-Dậu (7-1885) quân Triều đình thân Pháp do Tiểu phủ Sơn-phòng Nguyễn-Thân chỉ huy từ hướng Ba-Tơ, Vạn-Lý kéo về công thành. Quân Nghĩa-Hội chống trả kịch liệt nhưng vì ít quân số lại nội bộ bị ly gián nên cuối cùng phải bỏ thành rút lui. Phó Tướng Nguyễn-tự-Tân và các chỉ huy khác như: Trần-Tu, Nguyễn-Viện bị chém tại trận. Chánh tướng Lê-trung-Đình bị bắt sống và hạ ngục sau đó.

Quân Nghĩa-Hội từ Bồng-Sơn, (Bình-Định) do Nguyễn-Can chỉ huy tiến ra tiếp viện vây Sơn-Phòng, cánh khác do Bùi-Điền chỉ huy kéo về tỉnh lỵ tiếp ứng vây thành.

Quân của Tiểu phủ Sơn-Phòng từ Thu-Xà di chuyển lên đánh lui cánh quân do Nguyễn-Can chỉ huy, viết mật thư dụ quân Bùi-Điền, phục kích đoàn quân này tại cồng Thợ Rèn. Bùi-Điền thua phải rút lui về Quít-Lâm, sau đó kéo về Bình-Định

Quân Nghĩa-Hội từ Quảng-Nam kéo vào đánh tan cánh quân thân Pháp do lãnh binh Trần-Giã chỉ huy ở Châu-ổ gần làng Yên Trì. Nguyễn-Thân lại kéo quân ra đóng tại đình Chánh-lộ, bọc hậu qua ngã Chợ Mới, Châu-Nhai Trà-Bình đánh ngang qua hông quân Nghĩa-Hội tại Trì-bình. Quân Nghĩa-Hội bị tấn công bất ngờ un khói mù mịt chận bước tiến của quân sơn phòng, ban đầu có kết quả không ngờ gió đổi chiều khói bay về hướng nghĩa quân, quân Sơn-phòng thừa thế tấn công khiến Nghĩa-quân do Nguyễn-duy-Hiệu chỉ huy núng thế hàng ngũ rối loạn phải rút lui về Bến Ván (địa đầu Quảng-Ngãi lúc bấy giờ). Cầu làng Yên-Trì bị đốt cháy trong trận đánh nầy.

Tuy bị thất bại trước quân Sơn-phòng, thành Quảng-Ngãi

bị chiếm lại nhưng các lực lượng Cần-Vương vẫn tiếp tục hoạt động mãi đến 3 năm sau (1888) mới thực sự tan ra ăn nhịp với việc Vua Hàm-Nghi bị bắt và phải lưu đày.

3) Thơ văn lưu truyền

Cử Đình, Tú Tân không những là những nhà cách mạng mà còn là nhà thơ đã biết dùng thi ca nói lên ý chí bất khuất của mình, xử dụng ngôn ngữ thi ca biến thành lợi khí tranh thủ quần chúng, vận động cách mạng làm tan rã hàng ngũ giặc xâm lăng.

Thơ và câu đối của Cử Đình rất nhiều nhưng không lưu bút tích gì chỉ truyền khẩu trong dân chúng cho nên người ta không ngạc nhiên khi đọc trong bài thơ, câu đối có nhiều đoạn hay chữ khác nhau.

Tài liệu thơ câu đối sưu tầm sau đây dựa theo bút tích của cụ Đông-y-sĩ Nguyễn-đức-Mậu (thân phụ của giáo sư Nguyễn-đức-Tập), phần khác do lời khẩu truyền của các nhân sĩ trí thức khoa bảng còn lại ở địa phương.

Bút tích của Đông-y-sĩ Nguyễn-đức-Mậu ghi lại lời của cụ Nguyễn-đức-Trạch, bạn đồng môn của Lê-trung-Đình cho biết : lúc 24 tuổi, Cử Đình từng làm nhà củ lủ trên núi Long-Đầu và tự xưng : « Long.Đầu xử sĩ ». Thời gian nầy Cử Đình có làm thơ và câu đối :

Thơ

LỤT - BẤT - QUÁ (1)

Mưa từng chặp, gió từng hồi

(1) lụt lớn tại Quảng-Ngãi năm Tự-Đức 31 tức Mậu Dần 1878. Ông Tú-Bảy, hay Tú Thầy tức Phan-Thanh có làm bài « Vè lụt Bất quá » (xem tài liệu của giáo Sư Huỳnh-Châm Non nước xứ Quảng tân biên 1971)

Phút chốc dâu đâu đã ngập rồi.
Lũ kiến bất tài tha trứng chạy
Bầy rêu vô dụng kết bè trôi.
Lao xao cửa Bắc lừa trâu cột
Lởm xởm lầu Tây thấy chó ngồi.
Hôn điếm nhân dân đà thế hử ? (2)
Nào ông Hạ Võ ở đâu ôi !

Thượng cầm, trung thú, hạ ngư

Gương loan tây cách mấy thu dư
Sẻ chạnh lang quân đuối dạ chờ.
Gối phụng mang sầu kiềm biến gảy
Thoi-anh gấm thảm lụy khôn ngơ.
Canh gà thỏ thẻ cam buồn bực
Chiếc nhạn cheo veo lạc vật vờ.
Uổng phận thiều heo cầm mối một
Thuyền quyên tượng vẽ ép hai thờ.

Giã vợ đi thi

Tên cỏ cung dâu vẫn chắc phần
Cực vì bể ái lại nguồn ân,
Khúc đàn Cầm Sắt vui từng nhịp
Chén rượu quan hà nặng mấy cân,
Trướng liễu dù vui xuân chín chục
Cửa rồng ai lướt sóng ba từng
Dặn lòng vàng đá. em đừng ngại
Chán biết hoàng châu mấy sắc xuân./.

2) Hôn điếm : tối thấp, ý nói hạ dân, câu này có người đọc : Nỡ đem dân đen chìm đắm bấy.

Câu đối

— Ấn lãnh tứ phương, trung thiên độc lập
Trà giang cửu khúc Đông Hải hồi hoàn
— Trà thủy giao du Trà thủy hội
Ấn Sơn tác hiệp, ấn Sơn nhơn
— Núi Long đầu, đầu cao đầu thấp
Sông Trà Khúc, Khúc vạy Khúc ngay

Trăng đêm 16-2

— Thiều quang chín chục già nưa nửa
Nguyệt phách ba tuần thiếu thí thi

Câu đối dán trên lồng đèn đám ma của mẹ một quan viên ở Quảng-Nam đem về táng tại Quảng-Ngãi

Xưa mẹ dạy con, dầu chừng mô, nước chừng ni, con hử
Nay con đưa mẹ, gió bên nào che bên ấy mẹ ơi !

Câu đối cho 2 người rể, một người vợ còn, một người vợ chết

Biển cạn, non mòn, trăm năm còn, trăm năm mất
Đào thơ liễu yếu, một nhành héo, một nhành tươi

Vịnh lúc đi câu cá

Thành Hán hơn Hàn cơm ráng bụng
Ghềnh Văn thua Lữ bánh thâu râu

Vịnh Ngô-tùng-Châu và Võ-Tánh

Thuốc độc ngọt ngon mùi chính khí

Lửa hồng mát mẻ tấm trung cang

x x

x

— Tỉnh say dạ ngọc nâng bầu rượu
Sắc súc gan vàng mài lưỡi đao

NGUYỄN - SỤY

(1880 - 1916)

Làng Hồ-Tiếu, quê hương của Nguyễn Sụy

I. THÂN THẾ

Gia thế và tiểu sử :

Nguyễn-Sụy (cũng có tên là Thụy) sinh năm Canh-Thìn 1880 tại thôn Hồ-Tiếu Tư-nghĩa Hạ (nay ấp Hồ-Thanh, xã Tư-Nguyên, quận Tư-Nghĩa) xuất thân từ một gia đình giàu có, phúc đức được trọng vọng khắp một vùng. Thân phụ của ông là Nguyễn-Quỹ, Phó quản hương binh Sơn-phòng, thân mẫu là bà Hồ-thị-Tú chánh lộ.

Nguyễn-Sụy vốn là môn sinh của ông Học-Các, tiếp tục học trường tỉnh. đậu Học sinh tỉnh, năm Quý Mão (1903) đậu Cử-nhân tại trường thi Bình-Định dưới triều Thành-Thái 15.

Vừa đậu Cử-nhân, bạn bè có người muốn tiến cử ra làm quan nhưng Cử Sụy cương quyết chối từ trả lời : « Nước có đạo nên ra làm quan, nước vô đạo nên ở ẩn » và tiếp câu chữ nho « Giáp bảng phi cao hoặc giả Hoàng thiên hữu nhản » (Đậu Cử-nhân đâu phải là cao, hoặc Trời đã dụng ý).

Từ đó, Cử Sụy tạm thời làm giáo viên dạy quốc ngữ tại trường Vạn-Tượng (sát ranh Hồ-Tiếu, hiện ấp Thanh-Liêm xã Tư-Bình) âm thầm phụng dưỡng mẹ già với tất cả lòng hiếu thảo. Thời gian dạy học với Tú Tài Nguyễn-lương-Kiệt tại trường

Vạn-Tượng, Cử-Suy say mê Tân-Thư, có lần bỏ dạy ra tận Hà-nội mua sách về đọc và giao du rộng rãi, nuôi dưỡng tư tưởng cách mạng.

Năm 1908, Cử Suy hưởng ứng phong trào kháng thực tại Quảng-Ngãi dưới sự lãnh đạo của Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết. Cuộc vây thành thất bại, Ấm Loan, Bố Khiết bị xử tử, Cử Suy bị lưu đày ở Côn-Lôn.

Mãn hạn tù về, năm 1916 Cử Suy liên lạc với Trần-Cao-Vàm và Thái-Phiên ở Đà-Nẵng, Quảng-Nam cùng với Lê-Ngung, Lê-Triết, Phạm-Cao-Chẩm, Nguyễn-Nậm (Mậu) đứng ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa 1916 của Vua Duy-Tân.

Âm mưu khởi nghĩa bị bại lộ, Cử Suy bị truy nã gắt gao, gia đình bị tịch thu tài sản, mẹ là bà Hương-Quản bị bắt, Nguyễn-Suy lánh mặt được đồng bào kín đáo che chở nhưng vì lòng hiếu thảo, Cử Suy tự nguyện ra nạp mình để cứu mẹ.

Sau 1 tuần lễ bị giam giữ, ngày 9 tháng 4 Bính-Thìn (10-5-1916) lúc 15 giờ, Cử-Suy bị đem ra chém tại bồ Quay, tây bắc góc ngoài thành Quảng-Ngãi (hiện thuộc ấp Bắc-lộ).

Nguyễn-Suy chết lúc 37 tuổi, để lại hai con trai : Nguyễn Khải (ông này cũng có tư tưởng cách mạng bị xử tử vào khoảng cuối tháng 8-1945. Người con trai khác là Nguyễn-Chuyết 71 tuổi hiện vẫn còn sống.

II SỰ NGHIỆP

1) Tham gia phong trào Khất Sưu (1908) chống Pháp :

Năm 1908, khởi phát từ Quảng-Nam phong trào duy tân

do các Chí sĩ Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-quý-Cáp lãnh đạo. Trong khuôn khổ phong trào nói trên, với tất cả ảnh hưởng sâu rộng của nó về tư tưởng dân quê, phong trào kháng thuế, cự sản dần dần lan rộng khắp miền Trung cụ thể bằng những cuộc biểu tình lớn lao với sự tham gia của các tầng lớp dân chúng nông thôn, đó là một hình thức đấu tranh bất bạo động chống Pháp của dân tộc Việt-Nam.

Hơn nữa vào khoảng thời gian từ 1903-1908, dân chúng đã phải sống cực khổ trong cảnh sưu cao thuế nặng. Thuế thân 3đ, sưu 3đ6o, bọn thực dân và bọn cầm quyền tay sai lúc bấy giờ thâu thuế quá gắt gao, dân chúng lầm than cơ cực nên khi phong trào kháng thuế lan đến Quảng-Ngãi thì được đồng bào, các sĩ phu khoa bảng trí thức hưởng ứng nhiệt liệt.

Phong trào khất thuế tại Quảng-Ngãi do Ấm Loan tức Nguyễn-bá-Loan (con Phó Bảng Nguyễn-bá-Nghị) Bố Khiết tức Lê-Khiết, Bố Chánh hồi hưu thường gọi là ông An-Ba, năm 1908 ông nầy đã có dịp tiếp xúc với Phan-chu-Trinh và thay đổi chí hướng, từ trước vốn môn hạ của Thạch-Trì Nguyễn-Thân. Sau trở nên nhân vật lãnh đạo phong trào kháng thuế cự sưu tại Quảng-Ngãi với sự tham gia của Cử Suy, Nguyễn-đình-Quảng, Cử Phong-Niễn, Nguyễn-văn-Quảng, Tú Nguyễn-Tuyên (Đức-Phổ) Phạm-cao-Chẩm v.v...

Phong trào chống Pháp dưới chiêu bài kháng thuế cự sưu có 3 mục đích nằm toàn bộ phong trào Duy-Tân đã nêu lên những yêu sách mà các lãnh tụ phong trào Duy-Tân. Phan-chu-Trinh đã đề trong bản yêu sách theo nguyện vọng thiết tha của dân chúng :

— Pháp phải nới tay cai trị.

— Pháp phải đình chỉ việc dùng các quan lại tham nhũng, tàn ác.

— Pháp phải để phong trào Duy-Tân phát triển.

— Phải nhẹ xâu thuế để dân bớt được sự bóc lột.

Tại Quảng-Ngãi, khẩu hiệu khất thuế đã được đưa ra rất thích hợp, được dân chúng 6 phủ huyện tích cực hưởng ứng.

Mờ mờ sáng ngày 10-4-1908 (Tháng 3 Mậu-Thân) hàng ngàn dân chúng Quảng-Ngãi (trong số nầy có những người từ Quảng-Nam vào mang theo kéo lược để hô hào cúp tóc) tập trung từ 6 phủ huyện, kéo nhau lên tỉnh để xin giảm thuế. Tất cả đều mang mo cơm, ướp muối mè, mình bận áo rách, đầu đội nón cời, mỗi phút mỗi đông vây nghịt cả thành và tòa sứ.

Viên công sứ Dodey giận dữ phải lớn tiếng đe dọa : Chúng bây có muốn làm cách mạng phải để vài mươi năm nữa thì sẽ làm còn ngày nay thì chỉ đi đến chỗ chết thôi... »

Dân nghèo trả lời lại bằng cách hàng ngàn người đồng thanh ca tân thơ do Cử-Suy soạn, giọng ca như sấm vang làm cho bọn chúng phải run sợ ;

... « Hô đồng bào, liên khí huyết
Liệu tử tiết, tử tiết tử cương
Đương cơ hội mấy não lòng thương
Quân sơn-đầm, binh khố đỏ
Lịnh giã nhơn kinh
Hãy quàn mình, lòng sắt đinh, dạ đinh
Người tập binh cũng An-Nam sinh
Đâu nỡ lại chinh chiến, chiến chinh
Chữ thinh đồng thinh, thinh đồng thinh

. . . . . .

Anh em ta thảy cả, xin khuyến ngã
Khuyến ngã dân quyền
Răng rứa chừ, không khai trí hóa
Sao cho khá với người, để tiếng cười
Xấu hổ nghìn năm
Ngàn năm lâu dài, ai hãy là ai
Cũng mắt tai trong cuộc trần ai
Sáu phủ huyện, anh em ta gắng sức... »

Kêu gọi không được, viên Công sứ Dodey ra lệnh đóng cửa thành đồng thời giao Lãnh-Năng chỉ huy giải tán, bắn ra ngoài thành đạn như mưa, nhiều người dân biểu tình bị chết, bị thương, nhưng tiếng ca tập thể vẫn không ngưng mà còn điểm thêm tiếng la, hét vang trời, âm thanh thật bi hùng xen lẫn. Trước khi tạm rút lui, đám biểu tình cho bộ phận vũ trang tìm bắt vợ con Lãnh-Năng nhốt vào củi lồng, khiêng xuống bờ xe chánh lộ cách tỉnh lỵ 1 cây số định hạ sát để trả thù. Lãnh-Năng hoảng sợ, cấp tốc dẫn toán lính vũ trang súng ống xông vào dân chúng bắn tứ phía để giải vây cho vợ con. Hai bên lính và dân xung đột kịch liệt, thêm nhiều người chết và bị thương, cuối cùng Lãnh-Năng cứu thoát được vợ con, dân chúng biểu tình phải tạm lui để rồi ba ngày sau lại kéo trở lại vây thành lần thứ hai.

Công sứ Dodey sợ hãi đánh điện xin thêm lính để đàn áp đoàn người biểu tình.

Sự đàn áp của nhà cầm quyền thực dân rất tàn bạo nhưng nhờ phương pháp vận động khéo léo tài tình của Cử Suy nên lính tập dù đã có lệnh quan thầy, họ vẫn không dám nả súng vào

đám dân xin giảm thuế. Và bên ngoài bọn tay sai của Pháp cũng không dám đưa tin tức.

Các cửa thành đều đóng chặt. Dân xin giảm thuế ngày càng kéo đến đông nghịt, vây chặt thêm bốn phía, kéo dài đến 10 ngày. Hai thủ lãnh Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết được viên Công Sứ Dodey mời vào thành để thương nghị. Hai ông đã bắt thang leo vào và sau đó bị giữ luôn trong thành.

Ngày thứ 10, vào lúc 8 giờ lính khố đỏ và sơn đầm bí mật từ Quảng-Nam kéo vào, bắt đầu tấn công vào đám dân xin miễn thuế. Nhiều người bị chết, hàng trăm người bị thương vì phải chen lấn, dẫm lên nhau, ban đầu phân tán mỏng theo khắp ngả đường rồi cuối cùng phải giải tán vì hỏa lực của quân Pháp và lính tay sai quá mạnh.

Hai vị lãnh đạo phong trào khất thuế tại Quảng-Ngãi. Nguyễn-bá-Loan và Lê-Khiết bị hành hình vì tội leo thành và « khốc lục Phủ huyện, dân chi tiền » (khóc trước dân chúng 6 Phủ-huyện).

Phong trào khất thuế tại địa phương tan rã nhưng cuộc khủng bố của thực dân Pháp và tay sai kéo dài đến mấy tháng trong toàn tỉnh nhất là ở huyện xã.

Theo tài liệu Phong trào Duy-Tân của Nguyễn-văn-Xuân (Lá Bối xuất bản 1970) thì ở Quảng-Ngãi cuộc đàn áp rất tàn bạo. Số người bị giam quá nhiều phải gông chung ba bốn người vào một gông đem phơi nắng.

Sau vụ nầy, Lê-Khiết và Nguyễn-bá-Loan bị giải kinh giam 3 tháng rồi bị đem về Quảng-Ngãi chém ngày 24-4-1908 ở Cồn đất mương xe Chánh-lộ, bị bêu đầu 3 ngày, trước sự hiện diện của nhiều nhân vật Khoa bảng, lãnh tụ khác của phong trào.

Khi đem ra chém, Cử Lê-đình-Cẩn chắc chắn đến lượt mình nên la lớn ;

— Làm trai có chết thế mới tốt nhưng ông lại không bị giết, nhân thế có bài thơ chữ Hán tại nhà lao Quảng-Ngãi trước khi bị lưu đày ở làng Rí (Sơn-Hà).

« Cố quốc sơn hà trọng
Tiên triều thế lực khinh
Hùng tâm vong đỉnh hoạch
Tô mộng đoạn cồn kinh
Dục hiện Cao trường khấp
Ninh tri Cát bất thành
Túng nhiên lưu nhiệt huyết
Đồng loại hấp văn minh

Cử nhân Lê-đình-Cẩn
(1870-1915)

(Bài nầy cụ Minh Viên Huỳnh-thúc-Kháng có ghi lại trong tập « Thi tù tùng thoại » với bản dịch (nhà in Tiếng Dân Huế xuất bản)

(Non sông ơn vẫn nặng
Sóng gió cuộc vần xoay
Vạc lửa lòng quên sợ
Tâm kình mộng đuổi ngay
Khóc đời Cao chưa chán (1)
Hỏng việc Cát nào hay
Máu nóng đầu trôi chảy
Văn minh hấp cả bầy)

(1) Cao Sơn Chinh chi.
(2) Cát Điền Tùng Âm (nhân vật Duy-Tân Nhật-Bản)

Sau Bồ Khiết, Ấm Loan bị tử hình, dân chúng bị đàn áp, phong trào khất thuế tan rã thì Cử Sụy, Cử Quảng, Tú Chẩm, Tú Nguyễn-Tuyên (Tú Tân-Hội) huyện Mai bị đày ra Côn đảo. Cử Quảng chết ngoài Côn đảo, Cử-Sụy, Tú Chẩm mãn hạn về lại tham gia vụ Duy-Tân khởi nghĩa do Thái-Phiên, Trần-cao-Vân khởi xướng dưới sự lãnh đạo của Vua Duy-Tân.

Thời gian ở Côn Đảo, năm 1908 Cử-Sụy có làm bài thơ :

Phong Lôi trập phục đế tinh trầm
Hải khiếu sơn đề, hổ báo cân
Nhất phó đầu lô mãn xon huyết
Miên miên trà tấn nộ triều âm

Tạm dịch : « Sao chìm, sông lặng cảnh buồn teo
Núi khóc, giông rền, vắng cọp beo
Một thớt đầu lô đầy bụng huyết
Bến Trà cơn giận sóng thường reo »

2) Lãnh đạo cuộc Duy-Tân khởi nghĩa tại Quảng-Ngãi.

Thế chiến thứ hai bùng nổ tại Âu-Châu và ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1915 Pháp thua trận, quân Đức tấn công Ba-Lê. Ở Đông-Dương thực dân Pháp mộ binh ráo riết để bổ sung quân số, thừa dịp nhà cầm quyền bảo hộ lúc bấy giờ bận rộn, Việt-Nam quang phục Hội gồm các đảng viên cốt cán : Trần - cao - Vân, Thái - Phiên, Lê - đình - Dương, Lê - Ngung muốn nắm thời cơ thuận tiện ấy nổi dậy khởi nghĩa dành quyền độc lập.

Vừa mãn hạn tù, Cử Sụy đã tiếp tục chí hướng cách mạng

cùng với Tú-Tài Lê-Ngung hưởng ứng tích cực cuộc khởi nghĩa do vua Duy-Tân lãnh đạo trên danh nghĩa.

Cử Sụy từng được Vua Duy-Tân tiếp kiến để nghe trình bày công việc đang tiến hành, công tác liên kết quân đội, tổ chức cơ sở cách mạng trong dân chúng.

Đại hội các nhân vật trọng yếu trong vụ Duy-Tân khởi nghĩa khai diễn lần thứ nhất vào tháng 9 Ất-Mão (1915) tại nhà ông Đoàn-Bổng, một viên thư lại bộ Hộ đường Đông-Ba (Huế) có sự hiện diện của đại biểu 5 tỉnh do Thái-Phiên chủ tọa :

— Quảng-Bình : Nguyễn-Chính.

— Quảng-Trị : Phan-phú-Tiên.

— Thừa-Thiên : Đoàn-Bổng.

— Quảng-Nam : Thái-Phiên, Trần-cao-Vân, Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tự.

— Quảng-Ngãi : Lê-Ngung, Lê-Triết, Nguyễn-Sụy, Nguyễn-Nậm (Mậu)

Đại hội đã kiểm điểm tình hình và lực lượng phản công cho Cử Sụy và Lê-đình-Dương giao thiệp với linh mục Bầu-gốc (Quảng-Ngãi) để mật giao với viên Thiếu-Tá người Đức đang chỉ huy lính Lê-Dương đồn Mang-Cá (Huế), ủy nhiệm Lê-Ngung thảo hịch và vạch chương trình hành động.

Cũng chính trong hội nghị này, các đại biểu đã quyết định rước Hoàng-Đế Duy-Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để tranh thủ chính nghĩa, ủy nhiệm Thái-Phiên và Trần-cao-Vân tiếp xúc với Vua Duy-Tân.

Trần-cao-Vân lãnh sứ mạng mang tờ biểu của dân chúng

các tỉnh dâng lên Vua Duy-Tân. Dưới dạng lốt một người câu cá, Trần-cao-Vân được thị vệ Tôn-thất-Đề và Phạm-kim-Khánh (tài xế riêng của nhà Vua) tiến dẫn đến gặp Vua tại hồ Tĩnh-Tâm. Nhà Vua chấp nhận đứng ra lãnh đạo phong trào, ban ấn chỉ làm tin để kết nạp nhân sĩ.

Đại hội thứ 2 của phong trào khởi nghĩa do Vua Duy-Tân lãnh đạo khai diễn vào trung tuần tháng 3 Bính-Thìn (1916, tại chợ Cầu Cháy, làng Xuân-Yên (huyện Bình-Sơn) gồm các nhân vật trọng yếu (Việt-Nam-quân Chính-Phủ).

Hội nghị kiểm điểm tiềm lực cách mạng, quyết định kế hoạch khởi nghĩa.

– Lấy danh chính : Việt-Nam-quân Chính-Phủ

— Cờ khởi nghĩa : Cờ nền đỏ, năm sao trắng, ý nghĩa ngũ tinh tụ tinh.

— Thảo hịch

— Đúc 4 ấn Kinh lược : Bình-Trị, Nam-Ngãi, Bình-Phú, Khánh-Thuận, Phan-thanh-Tài được cử giữ ấn Nam-Ngãi Kinh-lược.

— Định ngày khởi nghĩa toàn diện :

Giờ Tý, ngày 2-4 Bính Thìn (1 giờ sáng ngày 3-5-1916).

Huế sẽ là khởi điểm phát động, bắt đầu bằng tiếng súng thần công báo hiệu, đốt lửa tại đèo Hải-Vân báo hiệu cho Quảng-Nam, Quảng-Ngãi,

Đặc biệt, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi sẽ dốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà-Nẵng để quân lực viện

trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên; nửa đường thông thương suốt từ Đà-Nẵng vào Đức-Phổ.

Hội nghị đã bầu Ủy ban khởi nghĩa :

Chủ tịch : Thái Phiên

Ủy viên : Trần-cao-Vân (phụ trách quân sự), Phan-thanh-Tài, Đỗ-Tự, Lê-Ngung.

Riêng Cử-Suy (Nguyễn-Suy), Tú Tài Phạm-cao-Chẩm, Tú-Tài Lê-Ngung đặc trách chỉ huy quân lực quốc nội tại Quảng-Ngãi, lãnh đạo phong trào Duy Tân khởi nghĩa tại tỉnh nầy.

Hầu hết thân sĩ, đồng bào trong tỉnh đều hưởng ứng phong trào 13 binh sĩ người Việt phục vụ trong quân đội Pháp đã tình nguyện tham gia nội ứng cho cuộc khởi nghĩa.

Cử Suy bí mật tổ chức nghĩa binh, vận động dân chúng quyên góp rất có kết quả. Riêng bà hô gà Võ-thị-Đệ ở Nhơn--Hòa, Sơn-Tịnh đã bí mật xuất 5 cây bạc cắc (mỗi cây 50đ.) may 1000 bộ áo cho nghĩa binh gọi là « áo đầu gà » vì ở trên bâu có thêu một đầu gà làm dấu hiệu.

Tuy nhiên, một số thân sĩ đã quá lo lắng, gần đến ngày khởi nghĩa rủ nhau cầu Tiên xin giáng bút chỉ vẽ.

Tiên có giáng bút như sau :

« Đừng có tin năm Thìn tháng Tỵ.
Mặt anh hùng cũng lụy kiếm cung.
Kiếm cung đã lụy anh hùng.
Giang san bốn bể vẫy vùng uổng công ».

Có người đem thơ ấy nói với Cử Suy, khuyên ông nên hoãn ngày khởi nghĩa và cho biết thêm có một số người trước đã thuận theo cách mạng nghe thư nầy đã rút lui :

Cử-Sụy bình tỉnh trả lời : « Quân Tử bất năng thối bộ » (người quân tử không bao giờ lùi bước).

Ngày khởi nghĩa được chuẩn bị sẵn sàng. Tại Kinh thành Huế, đúng 11 giờ đêm ngày 2-5-1916, Tôn-thất-Đề, Nguyễn Siêu cùng hai tên thị vệ thân tín phò Vua Duy-Tân xuất bôn. Nhà vua trẻ đêm ấy bận chiếc áo nâu sẫm, khăn đen, quần trắng, mang giầy hạ ngự xe kéo ra bến Thượng-Bạc dự định sẽ xuôi về bến Ngự để chỉ huy cuộc khởi nghĩa lịch sử.

Nhưng chẳng may, đại sự đã bại lộ tại Quảng-Ngãi từ chiều 1 - 5 - 1916 (tức ngày 29 tháng 3 Bính-Thìn tháng nầy chỉ có 29 ngày)

Nguyên tại Quảng-Ngãi có viên thơ lại khố xanh tên Trần Thêm, quán làng An-Điềm, huyện Bình Sơn được biệt phái làm tại tòa Công Sứ.

Trần Thêm là một binh sĩ giác ngộ cách mạng, đã tích cực tham gia phong trào khởi nghĩa do vua Duy tân lãnh đạo trong vòng bí mật, giữ nhiều giấy tờ quan trọng, vận động được nhiều lính khố xanh theo phe cách mạng.

Trong số lính khố xanh hưởng ứng cách mạng có viên cai khác tên là Võ An (có tài liệu ghi Võ Cư) quê Long-Phụng (Mộ Đức) ngụ Năng-An. Cai-An có một người anh họ là Võ Huệ (tức Trung) cũng ngụ Năng-An làm lính giản tại dinh Án Sát Quảng-Ngãi.

Mấy hôm trước ngày khởi nghĩa, tình cờ cai An (tức Cư) bị đổi vào Đức-Phổ. Trong bữa ăn thân mật ở tư gia vì tình bà con, Cai An đã dặn dò Võ-Huệ (tức Trung) ân cần khuyên nhủ nên nghỉ việc về nhà đừng làm trong dinh quan Án Phạm-Liệu nữa.

Huệ hỏi lý do, Cai An tỏ thiệt : sắp có khởi nghĩa, loạn lạc nguy hiểm tính mạng.

Võ Huệ biết tin, quá lo lắng nên chiều ngày 1-5-1916 vội vàng vào dinh Án Sát Phạm-Liệu xin phép nghỉ việc về nhà làm ăn.

Án-Sát Phạm-Liệu, từ lâu đã phong phanh nghe tin tức về những hoạt động của phe cách mạng vốn có lòng e ngại, nay Huệ lại xin nghỉ việc một cách vội vàng hấp tấp bất ngờ nên sanh nghi vặn hỏi, đe dọa. Võ Huệ không dám dấu, phải trình bày tất cả sự thật đã được nghe cai An dặn dò.

Sợ bị liên hệ trách nhiệm trong việc trị an địa phương, Án Sát Phạm-Liệu quyết định trình sự việc lên Tuần-Vũ và viên Công sứ khi hai quan đầu tỉnh nầy hành hạt ở Bình-Sơn về.

Chờ lâu quá, nóng ruột, Án Liệu ra trước cửa thành trông ngóng từng giây phút. Cử chỉ của viên Án-Sát làm cho cai Thêm thêm sinh nghi vội đem đốt sạch tất cả giấy tờ liên quan đến cuộc khởi nghĩa ngày 3-5-1916.

Công sứ De Tastes và Tuần Vũ Trần-Tiến-Hối hành hạt trở về liền được Phạm-Liệu tường trình rõ ràng sự việc đã phát giác.

Lập tức, viên Công sứ hạ lệnh bắt giữ Võ-An và Trần-Thêm, Cửu-Cần (theo lời khai của Võ-Huệ, Trần-Thêm có nhiệm vụ ám sát viên Giám binh, Cửu-Cần tùy phái tòa Sứ có nhiệm vụ đầu độc viên Công Sứ) nhưng mặc dầu bị tra tấn cực hình, Cai Thêm và Cửu Cần vẫn không khai.

Mặt khác, De Tastes mật điện ra Huế cho Khâm Sứ Charles hay sự việc, đồng thời ra lệnh thiết quân luật ngay tại

thành phố Quảng-Ngãi, giải giới các toán lính Khố xanh, bố trí quân Lê Dương ngày đêm canh phòng cẩn mật để ứng phó với các lực lượng cách mạng.

Lực lượng khởi nghĩa cũng được cấp báo ngay về sự biến chuyển bất lợi và bất ngờ của tình hình. Tuy vậy, các binh sĩ cách mạng trong hàng ngũ khố xanh do Đội-Luân và cai xứ chỉ huy từ Nghĩa-Hành đã kéo về cách thành Quảng-Ngãi 2 cây số. Các lực lượng vũ trang khác đã ứng trực sẵn sàng nhưng đều được lệnh phân tán mỏng rút ngay trong đêm 2-5-1916 (tức 1-4 Bính-Thìn).

Đến sáng, Cử-Sụy tiếp tục ra lệnh cho số còn lại rút lui hoàn toàn để bảo toàn lực lượng cách mạng nghĩa binh rút lui trong vòng trật tự, bỏ lại nhiều thang giáo, gươm. Riêng Viên Chỉ huy cánh quân phía Nam là Mai-Tuấn rút sau cùng nên bị Viên Tri-Phủ Tư-Nghĩa bắt được.

Sau đó, liên tiếp mấy ngày, Pháp và bọn tay sai tuần nã khắp nơi, khủng bố triệt để, lùng bắt trên 100 đảng viên cách mạng thuộc Việt-Nam Quang phục hội dày ra Côn đảo.

Cùng một lúc, viên tri phủ Tư-Nghĩa dẫn tổng lý và tập binh về bao vây nhà Cử-Sụy ở Hồ Tiếu, đóng quân tại đây, bắt mẹ của ông là bà Phó-hương-Quản làm con tin, tịch biên tài sản, tầm nã Cử Sụy gắt gao.

3) Cái chết của người chí sĩ cách mạng

Vốn là người con chí hiếu, Cử Sụy rất đau xót về số phận của mẹ già. Hơn nữa, sau khi kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ không ngờ, người chí sĩ cách mạng càng thấu hiểu vận nước, cơ trời, tự nghĩ dù có ẩn lánh lâu dài cũng khó xoay chuyển được tình thế mà còn nguy hại đến tính mạng của mẹ già.

Với ý nghĩ trên, Cử Sụy tự quyết định chọn cái chết hiên ngang trước ánh sáng công luận chứ không chịu kéo dài thời gian ẩn tránh nữa dù ông có thể được các đồng chí và dân chúng che chở kín đáo chờ ngày xuất dương ra nước ngoài.

Trước khi hành động một đêm, Cử Sụy bí mật về nhà, tắm rửa sạch sẽ. Cơm nước xong, bàn luận việc nhà và trình bày cho thân mẫu biết rõ ý định nạp mình để cho tròn nợ nước bảo đảm tính mạng cho mẹ già.

Bà Phó Hương Quản có trả lời. Con giúp nước, dẫu mẹ có chết cũng chẳng phiền chi, tình mẹ con tuy trọng nhưng so với việc nước, bên nào trọng hơn, tùy con định liệu... »

Không thay đổi ý kiến, Cử Sụy ngay trong đêm, lên thẳng nhà trên đánh thức viên Tri phủ Nguyễn-Mậu ? !

— Cử Sụy về cho quan lớn lập công viên Tri phủ tái mặt, hoảng hốt vì sự xuất hiện bất ngờ của người Chí sĩ Cách mạng trong tư thế hiên ngang, tự hỏi không biết ai là người sẽ bị bắt.

Khi nghe Cử Sụy trình bày sự việc, viên Phủ mừng quá, cấp báo về tỉnh 5 giờ sáng hôm sau, một toán lính tập kéo ngay về Hồ Tiếu giải Cử Sụy lên tỉnh.

Cử Sụy bình tỉnh, thong thả lên võng nằm. dọc đường nhắc người khiêng hãy vén màn cho đồng bào được xem rõ mặt mình.

Lên tỉnh, Cử Sụy gặp ngay viên Án Sát Phạm-Liệu xin tha cho mẹ già. Trong cuộc thẩm vấn, viên Công sứ Pháp có hỏi Cử Sụy :

— Ông là người khoa cử sao không ra làm quan để hưởng bổng lộc có phải sung sướng hơn không ?

Cử Sụy trả lời :

Nếu tôi chỉ ham sung sướng ra làm quan thì tôi có thua chi ông Hối nhưng tôi không tham vì còn nghĩ đến dân tộc tôi.

Các ông (chỉ vào tên Công sứ De Tastes) từng mất 2 hạt Alsace Lorraine sao các ông không biết chiến đấu để lấy lại hai tỉnh đã mất mà còn đem quân xâm chiếm nước tôi, đào mả Vua tôi để kiếm vàng.

De Tastes giận tái mặt, tát Cử Sụy một bạt tai rồi bỏ đi. Tuần Vũ Trần-tiến-Hối thấy cử chỉ hiên ngang và ngạo nghễ của Cử Sụy có nói câu chữ Hán :

« Tặc tử thị tặc tử, gian hùng thị gian hùng » Cử Sụy đáp ngay : « Kiến nghĩa bất vi » vô dũng, xử tội nhân giai đắc nhi tru ».

Sau một thời gian ngắn bị giam giữ, lúc 15 giờ ngày 10-5-1916 tức ngày 9 tháng 4 năm Bính-Thìn, Cử Sụy, Trần-Thêm, Hứa-Thọ, Mai-Tuấn, Mai-Bút, Cửu-Cần và một số người khác bị dẫn ra pháp trường.

Trước giờ bị hành quyết Cử Sụy đã cương quyết chối từ bữa ăn ngon thường lệ dành cho kẻ tử tù. Ông bảo : « Đồ nầy đem về cho chó bay ăn, chết vinh hơn sống nhục, tao không ăn đâu ».

Trên đường ra pháp trường ngang qua cửa tây thành, Quảng-Ngãi, Cử Sụy có đọc 2 câu cuối cùng :

« Sinh Nam-Việt sinh tuyệt hư danh
Tử Tây phương tử tồn danh tiết ».

Trong thiên hồi ký « Quảng-Ngãi xưa và nay (chưa xuất bản) của Ký-giả lão thành Thiên-Trà có ghi lại quang cảnh buổi hành quyết Cử Suy như sau :

« Chiều 10-5-1916 (9-4 Bính Thìn) các trường học đóng cửa, học trò được nghỉ để đi xem chém, bọn quan Tây, bà đầm đứng trên thành ngó ra.

Pháp trường được thiết lập tại bờ Quay (góc thành hướng Tây Bắc). Tại đây, cọc đóng sẵn, hàng nọc cao chừng 1 thước bên lề đường.

Đúng 14 giờ 30, lính tập dẫn toán tử tù đến. Cử Suy, trong y phục áo lương đen, quần trắng vẫn giữ được bình tĩnh trên nét mặt như thường ngày, hai tay bị trói quật ra đằng sau, hai tên lính mang súng đi kèm hai bên,

Ngay tại pháp trường đã có sẵn một toán lính tay bồng súng ứng trực, toán lính khác nằm dài phía sau.

Vào khoảng 15 giờ, cuộc hành quyết khai diễn. Viên lãnh binh đọc cáo trạng, sau đó là 3 hồi chuông rồi 3 tiếng súng lệnh. Tức thì đao phủ ra tay chém từng người một trong khi các tử tù ở trong tư thế : mắt bịt, mình bị trói chặt vào nọc.

Trần-Thêm, Cửu-Cần, Mai-Bá bị chém trước, sau đó đến phiên Cử Suy, khi đao phủ chém vừa đứt cổ Cử Suy thì vạt áo lương đen của ông bồng phồng lên phủ kín cổ người chí sĩ cách mạng. Trước giờ chết, tại pháp trường Cử Suy có nói thêm câu : « người mình lại giết người mình. »

Nguyễn Suy chết, thi hài bị chôn ngay tại chỗ (bờ Quay) đúng một năm sau thân nhân mới được phép cải táng đem về chôn tại nguyên quán Hồ-Tiếu, (tư nguyên xã).

Sau khi Cử Sụy bị xử tử Tú Lê-Ngung ăn trái « ấu » để tự vận tại rừng già Trung-Sơn, Bình-Lãnh (Bình-Sơn), một số nhà Cách mạng khác bị lưu đày Lao-Bảo. trong số nầy có cụ Tú Trần-Kỳ-Phong (Bình-Sơn) Võ-Hàng (Bình-Sơn) Cai-Ngọc (Tư Cung, Sơn-Tịnh v.v...

Cảm xúc trước cái chết anh hùng của Cử Sụy và các chí sĩ cách mạng trong cuộc Duy Tân khởi nghĩa, các thân sĩ và đồng bào trong toàn tỉnh đã bí mật quyên góp tiền bạc làm lễ truy điệu và để tang một thời gian khá lâu.

SÁCH, BÁO THAM KHẢO, TRÍCH DỊCH

— Đại-Nam Nhất-Thống-Chí của Cao-xuân-Dục, Lưu-đức-Xứng, Trần-Xán (1909), quyển 6, tỉnh Quảng-Ngãi (bản dịch của Cử nhân Tu-Trai Nguyễn-Tạo 1964).

— Đại-Nam chính biên liệt truyện

— Việt sử xứ Đàng-Trong (1558-1777) của Phan-Khoang

— Quốc sử tạp lục của Nguyễn-thiệu-Lâu (Khai-Trí xuất bản 1970).

— Phong trào Duy-Tân của Nguyễn-văn-Xuân

— Cuộc đời oanh liệt của Tả quân Lê-văn-Duyệt, tác phẩm của giáo Sư Lê-đình-Chân (Phổ Thông xuất bản 1956)

— Nam-Hải dị nhân của Phan-kế-Bính

— Người-Việt đất Việt của Toan Ánh và Cửu-long-Giang

— Giai thoại làng Nho của Lãng Nhân

— Nước-Non Bình-Định của Quách Tấn

— Hiện-Tượng Trương-công-Định (Hồ-hữu-Tường)

— Trương-Định, ann hùng dân tộc (Nguyễn-thiệu-Lâu)

— Những ông Vua xấu số của nhà Nguyễn (Phạm-văn-Sơn, — Văn-nghệ-chiến-Sĩ, Xuân giáp-Thân 1956)

— Gò Công xưa và nay của Huỳnh-Minh

— Quảng-Ngãi xưa và nay (Hồi Ký chưa xuất bản của Thiên-Trà)

— Non nước xứ Quảng-tân-Biên (1971) của Phạm-trung-Việt

— Tả quân Lê-văn-Duyệt (Ban-Quản-Trị đền Thượng công, Gia-Định)

— Bản chữ Nôm, bút ký của cụ Nguyễn-đức-Mậu

— Gia phả họ Trương (tài liệu chính thức của ông Trương-quang-Trợ, giáo học, cháu đích tôn phái 1 của Trương-đăng-Quế)

— Tập-San-Sử-Địa số 3, 1966 đặc khảo về Trương-công-Định-số 11 (bài Duy-Tân khởi nghĩa của Lê-Ước)

— Đặc san Xuân 17 của liên đội 1/17 Địa phương quân Quảng-Ngãi

— Các tạp chí : Thời-Nay, Phổ-Thông, Trước-Mặt, Minh-Tân, Văn hóa Á-Châu v.v...

— Ảnh và tài liệu của giáo sư Huỳnh Châm, chuyên viên nhiếp ảnh : Đặng-Tùng, Việt-Hồng-An, nhà ảnh Trẻ.

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Giòng	CHỮ SAI	CHỮ ĐÚNG
15	cuối	Tú Trai	Tu - Trai
17	3	Thuận - Căn	Thiện - Căn
19	16	1 8 0 2	1 8 2 0
21	3	Phủ Nam	Phủ Man
35	15	Cà - Mông	Cù - Mông
55	24	1 8 4 6	1 8 1 6
65	20	Để ý	Dễ ép
69	19	Nguyễn thiện Lân	Nguyễn thiệu Lâu
71	26	Thúc - giạ - Thự	Thúc - giạ - Thị
75	cuối	Cai	Cai Hiệp Huy Đức Tử
78	11	Quét	Quát
79	4	Tham-Quân-Vụ	Tham-Tán Quân-Vụ
	17	Hồng Lôi nhà Vua	Hồng Lô theo nhà Vua
85	19	Nguyễn-thiện-Lân	Nguyễn-thiệu-Lâu
88	26	niên Tự - Đức	niên Hiệu Tự - Đức
90	PHẦN chú thích CHỮ HÁN	2	12
95	nt	1	11
123	8	Diarfeuille	D'arfeuille
134	13	Định tân Văn mổ	Định tâm Văn Mô
143	25	Gongard	Gougeard

143	25	198 - 1864	19 - 8 - 1864
144	13	Delangdrière	Delagrandière
	20	Bĩnh cầm	Bữu cầm
146	1	light	right
154	20	thân buồn	thêm buồn
173	17	Hoàng Sứ	Hoàng Sói
175	20	Củ lủ	Cư lư
176	12	gấm	gấu

BÀI THƠ CHỮ HÁN TRANG 94, XIN ĐỌC :

Kê đồn hữu thực thượng phi an
Thẩn thị hi ngưu sức mỹ quang
Hác hiểm giang thâm hoàn hải khoát
Xuân-Thu-Hạ mậu phục đông hàn
Lâm trung dị thể trường sanh dược
Lâu thượng nan cầu bất lão đơn
Vị thức chi cùng sơn thủy tú
Long thành trúc dự khẳng hồi khan

MỤC LỤC

	Trang
— Lời nói đầu	7
— Vài nét đại cương về người Việt miền Ấn-Trà	9
DANH THẦN	23
— Tả quân Lê-văn-Duyệt	25
— Thái sư Trương đăng-Quế	73
CHÍ SĨ CÁCH MẠNG	109
— Trương-công-Định	111
— Lê-trung-Đình	157
— Nguyễn-Sụy	179
— Sách báo tham khảo	199

« KHUÔN MẶT QUẢNG NGÃI »
Tác phẩm thứ 5 của PHẠM TRUNG VIỆT, tập biên khảo về Danh Thần và Chí Sĩ Cách Mạng tiêu biểu của miền ẤN TRÀ.

Do nhà in **NAM QUANG** xuất bản in 2.000 cuốn, xong ngày 30 - 05 - 1973.

Giấy phép xuất bản số 175 UBKD/QKI

GIÁ 400đ